

Giải Đáp Về Chủ Trương của Tủ Sách Việt Thường

Nhiều người gởi thư đến, đại ý hỏi: Tủ Sách Việt Thường nghiên cứu văn hóa Việt đứng trên lập trường và góc độ nào?

Sống Trọn Vẹn Với Điều Tìm Học Được

Tủ Sách Việt Thường không luận cứ, không lập thuyết văn hóa Việt ở góc độ “hàn lâm”, mà chỉ tìm hiểu học hỏi (tìm học) những tinh hoa trong nếp sống **của nông dân Việt** ở góc độ **nhân bản** (lấy con người làm gốc) và **hiện thực**; đồng thời thể hiện những tinh hoa đó **trong đời sống hàng ngày**. Không tìm học để hệ thống hóa hay viết sách theo kiểu hàn lâm. Chữ nghĩa **chỉ mô tả sự thật**, chứ không phải là sự thật; nghĩa là không phải chỉ hiểu biết suông mà sống trọn vẹn (cùng ăn, ở, hít, thở), với cái tinh hoa đã tìm học được. Một thí dụ cụ thể:

Khi phát hiện được “xoay vào lòng” (*trăm hay xoay vào lòng, (vi) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*) là tinh hoa của truyền thống **phát triển tâm linh của người dân Việt**; đồng thời cũng cảm nhận được tính tự chủ, tính nhân chủ trong nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước thì sống trọn vẹn với điều mà mình tìm học được.

Mặt khác, chúng ta được biết Chúa đã dạy: “Nước trời trong lòng các người”... “Ta là sự sống”. Phật đạo cho rằng **Phật tức tâm, tâm tức Phật**. Bồ Đề Đạt Ma dạy: Tâm là Phật. Không có Phật ở ngoài tâm... Không có chỗ nào gọi là nơi chốn của những người đến Niết Bàn. Phật dạy: “Hãy nương tựa chính mình, không ai khác cho con có thể nương nhờ. Khi thân con thuần tịnh ấy là nơi nương nhờ tối thượng” (Dhammaprada). **“Hãy tự thấp đức lên mà đi”**.

Sách Đại Học của Nho giáo cũng nói về “chỉ, định, tĩnh”, nghĩa là **qui tâm**.

Vua Trần Nhân Tông đã xác định rằng chân lý không nằm trong Phật giáo mà **nằm chính ngay ở giữa lòng cuộc sống** ... Phật giáo là **cuộc sống**.

Ông Krishnamurti đã khẳng định: “Cái mà Phật gọi là Niết Bàn, Jesus gọi là Thiên Đàng, tôi gọi là **Cuộc Sống**”.

Tâm thức của người nông dân trồng lúa nước rất đơn giản, họ sống thực, chứ không “nói về...”. **Nói về cái gì đó là nó đã trở thành khái niệm** mà khái niệm không phải là sự thật. Để nhắc nhở thì cũng với những cảm nang ngắn gọn như “*trăm hay xoay vào lòng*”, “*kiến bò miệng chén*”, “*trời trong biển lặng mới yên tâm lòng*”, “*học ăn, học nói, học gói, học mở*”,...

Chân lý ở ngay trong sự sống và trong con người. Cho nên không thể tìm chân lý, Chúa, Phật, Allah, Thượng Đế, Niết Bàn, Thiên Đàng, Tình Thương trong kinh điển, sách giáo lý, thần học hoặc trong lời thuyết giảng; nó cũng chẳng đòi hỏi đức tin, niềm tin... chỉ cần **tự tin, tự chủ** trở về với chính mình, (xoay vào lòng), **tự biết mình**.

Người Việt thấy được tinh hoa “*trăm hay xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khiêu bởi mình*” cần gì phải chạy vạy, cạy cục nơi này, nơi khác tìm chân lý, tình thương. **Không thể tìm chân lý, tình thương bên ngoài cuộc sống và con người.**

Là người Việt nếu lỡ theo đạo Phật, hoặc theo đạo Chúa, Tin Lành, Hòa Hòa, Cao Đài, v.v... tại sao không nghe theo lời Phật, Chúa dạy (xoay vào lòng) mà cam tâm làm nô lệ cho Chùa, Nhà Thờ, Thánh Thất, Tòa Thánh Vatican,?

Tại sao không trở về với chính mình (xoay vào lòng) **để hiệp thông với Chúa, để tự thể hiện Phật tánh** mà phải qua trung gian các sư, mục sư, cha và thiên sư ?

Chân lý ở trong mỗi người, nó không ở xa, nó không ở gần; nó vĩnh viễn ở ngay đó.... Hễ giây phút nào các bạn theo ai thì phút giây ấy các bạn ngưng theo chân lý (Krishnamurti, Tinh Yếu, người dịch Nguyễn Ước, trang 4).

Trở về với chính mình thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức **mới thể hiện được tính nhân chủ trong cuộc sống, mới sống trọn vẹn với tính nhân chủ, cùng ăn, cùng ở, hít, thở với nó.**

Sống trọn vẹn với tinh hoa của nếp sống dân tộc (chẳng hạn tính nhân chủ, xoay vào lòng) là thuận lý theo thiên nhiên, **diễn dịch tâm thức ngay trên dòng sống sinh động và hiện thực** để thăng hoa con người và cuộc sống, chứ không phải **để lập thuyết, viết sách theo kiểu hàn lâm để hí luận.**

Cam tâm làm nô lệ cho Chùa, Nhà Thờ, Thánh Thất, Tòa Thánh Vatican mà viết sách ca ngợi hết lời tính nhân chủ trong nếp sống văn hóa Việt thì có ích lợi gì ?

*“Chân mình còn lấm mê mê,
Lại cảm bó đuốc mà rê chân người”.*

Nô lệ cho Thượng Đế hay nô lệ cho một tên nô lệ, tinh thần nô lệ không khác chi khi nào con người thật sự thên thang trong mọi kích thước, chỉ khi nào con người có thể ý thức được thể mệnh và tính mệnh của chính mình, con người mới đúng ý nghĩa là con người đích thực (Đặng Thanh Tùng, Tinh Hoa Tư Tưởng Việt, Tủ Sách Việt Thường, Nam 1997, Trang 114).

Trong Thư Thầy Trò, Sư Viên Minh đã viết: Họ nói đến tự do nhưng thực chất là giam giữ con người trong nô lệ của ý thức hệ và tôn giáo (Trang 80).

Sở dĩ chúng tôi dài dòng không phải là lập dị, tách biệt ra khỏi cuộc sống bình thường của con người, cũng không phải kì thị, bài ngoại mà **để hòa đồng, hóa giải mọi ngăn cách của lòng người, hội nhập vào dòng sống của dân tộc và đáp ứng nhu cầu tâm thức con người trong thời đại tin học** ngày nay.

Mọi người tự tin, tự chủ trở về với chính mình, xoay vào lòng, **lấy lòng mình làm tâm điểm cho việc chuyển hóa tâm thức với nếp sống tỉnh thức**, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nang dịch lý: *học ăn, học nói, học gói, học mở*. Lòng người (cái tâm) là cái hòa đồng tất cả trong tính người và tình người. Đó là nơi gặp gỡ của tất cả những ai ở mọi nơi, mọi

thời đại, **tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức**; mà khởi điểm là tự xoay vào lòng, tự biết mình, về tận cội nguồn **Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất** (Thiên Nhiên), cảm nhận chuyển tải lý biến dịch của trời đất, hòa quyện với lòng người vào dòng sông, theo **chiều kích tâm linh, phát triển tình thương và trí tuệ** với định hướng hòa cùng vũ trụ, thuận lý theo thiên nhiên, **hội nhập vào dòng tâm thức dân tộc**, khởi dòng sống sinh động hòa cùng dòng tâm thức nhân loại.

Về nguồn không phải là cát công tìm kiếm **dòng suối đã khô**, nhưng là khai thác nguồn nước sẵn có để sinh hoạt xã hội Việt Nam mỗi ngày thêm tươi mát phồn vinh, con người Việt Nam sạch đẹp khỏe mạnh. Về nguồn **không phải là khảo cổ, cũng không phải là tư duy triết học, văn học hay xã hội học, nhân chủng học**, mà chỉ là lời mời ra đứng bên dòng sông quê hương, nước vẫn chảy và **chảy mãi**.

Về nguồn (tìm bản sắc dân tộc) phục vụ cuộc sống chứ không tìm kiếm tri thức hay tranh cãi phải trái (Đông Phong, Bản Sắc Dân Tộc, nxb Đường Việt, Năm 2000, Trang XV).

Chúng tôi tìm học để sống, sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ, không chủ trương lập thuyết, không hệ thống hóa những điều tìm học được thành khuôn mẫu cố định, khép kín giam hãm tâm thức con người, làm thui chột tâm linh, phần chỉ đạo tối cao của người, được ban phát một cách tự nhiên của thiên nhiên để khai phóng cuộc sống.

Về nguồn – tìm bản sắc dân tộc – về tận cội nguồn Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) cảm nhận, chuyển tải lý biến dịch của trời đất vào dòng sông, thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*) sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ là **Sống Đạo**, ngoài ra không có đạo nào khác. Tìm hiểu bản sắc dân tộc để sống, chứ không phải để phô trương kiến thức sâu rộng.

Đang sống trong nô lệ tử tưởng, tâm thức bị điều kiện hóa bởi ý thức hệ này, giáo điều, tôn giáo nọ (*kiến bò miêng chén, gà què ăn quẩn cối xay*) mà nói và viết về tính nhân chủ trong nền văn hóa Việt thì có khác gì con két hót lên được hai chữ tự do trong lúc cưa chuồng chim đang mở rộng, mà không dám bay ra, cũng không khác gì người mù mà nói về ánh sáng. Ông cha chúng ta thường nhắc nhở: “*trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua*”.

Đạo Lý Dân Tộc

Đứng trên hai chân của chính mình ở góc độ **nhân bản** (lấy con người làm gốc) và **hiện thực** mới có thể thấu hiểu được đạo lý dân tộc và mới nhận thấy được giá trị nhân bản trong nếp sống của người nông dân Việt ngày xưa, đồng thời mới hiểu được tại sao dân Việt Nam không có Tháp Chàm, Đế Thiên Đế Thích, Kim Tự Tháp, Nhà Thờ, Cung Điện nguy nga tráng lệ như ở Tây Phương, Vạn Lý Trường Thành, chùa to rộng, tượng Phật cao lớn như ở Trung Quốc, v.v... để thỏa mãn sở thích và tham vọng của giới thống trị (chính trị và tôn giáo); mà chỉ để lại kho tàng vô giá ca dao tục ngữ và huyền thoại... trong dòng tâm thức dân tộc.

Đạo lý dân tộc không có kinh sách, không có Ngũ Kinh hay Đại Học – Luận Ngữ - Mạnh Tử - Trung Dung, không có Kinh tạng hay Phật pháp, Phật học, không có Kinh thánh hay sách giáo lý – giáo luật, chỉ có những câu có vần có điệu, dễ hiểu, dễ nhớ, gợi hình gợi cảm, những

chuyện truyền khẩu, và những phong tục tập quán không hề bất biến, nghĩa là có thể tùy thời mà thay đổi, vứt bỏ đời phong bại tục, vứt bỏ tư duy độc hại lỗi thời, để kiến tạo những con người mới, xã hội mới.

Nhiều người cho là trống rỗng, **nhưng chính cái trống rỗng không ấy**, biểu tượng qua lũy tre làng, **là cái tâm trống rỗng** để không dị ứng, không loại trừ, nhưng tiếp nhận tất cả, trung hòa tất cả, nền văn hóa nào cũng hay, triết lý nào cũng học, tôn giáo nào cũng tốt. Đạo lý dân tộc là người chủ hiếu khách, nhưng **đầy bản lĩnh và bao dung**, đón tiếp tất cả để làm đẹp căn nhà Việt Nam, thoáng mát con người Việt Nam.

Đạo lý dân tộc không **truyền qua tri thức mà truyền vào tâm thức Việt Nam** từ mấy ngàn năm, kết tinh thành nền Văn Hiến. Trên nền Văn Hiến với **tâm tre trúc trống rỗng**, không để lại gì có vẻ kỳ quan bên ngoài, không có Vạn lý trường thành hay Đế thiên đế thích, không đồ người đồ của để lưu danh vạn đại.

Đạo lý dân tộc chỉ lo cho con cháu nên người, sống **đúng đạo làm người**. (Đông Phong, nxb Đường Việt, năm 2000, trang 56-57).

Đạo lý dân tộc là *“thương người như thể thương thân”*, **chỉ lo cho con cháu nên người**:

*Làm người ta phải yêu ta,
Có lòng trắc ẩn mới ra con người.* (Phan Bội Châu)

Sống đúng đạo làm người:

*May thay ở chốn bình yên,
Thấy người hoạn nạn nở quên sao đành.*

“Đạo lý dân tộc **phát xuất từ chính lòng mình**, theo tiếng nói thầm kín hướng thiện của **nhân tính, của lương tâm** (chứ không do lời Chúa, hay Phật hoặc Khổng-Mạnh chỉ dạy). Đạo lý dân tộc là lối sống hồn nhiên, mộc mạc của dân Việt....

Phải nói đạo lý dân tộc không phải là một hệ tư tưởng triết học hay một giáo phái tôn giáo, **không phải xuất phát từ tư duy lý trí**, bản khoán khắc khoải về vũ trụ nhân sinh, hoặc chiêm niệm thân trí đưa hồn hướng về đời sau, **mà chỉ là mặt bằng rộng thoáng vững chắc để con người đi vào cuộc sống với đời và ở đời theo đúng đạo làm người**, có trung hiếu tiết nghĩa.

Đạo lý dân tộc chăm lo trực tiếp đến luân lý đạo đức ở đời, **đến cuộc sống hiện thực trước mắt hằng ngày hơn là Thiên Đàng hay Niết Bàn mai hậu**. Đạo lý dân tộc không mang tính triết học. Những tư tưởng truyền đạt từ đời nọ sang đời kia không bao giờ nhắm mục đích nâng cao tư duy triết lý **mà chỉ nhằm phát triển nhân cách**. Đạo lý dân tộc không truyền thụ kiến thức **mà chỉ phổ biến kinh nghiệm**, không phải là trò chơi trí tuệ mà là cuộc sống theo đạo làm người.

Đạo lý dân tộc... không mò mẫm tìm kiếm những câu hỏi và giải đáp những vấn đề nhân sinh **để được thiên hạ công nhận**, không nhốt mình trong học vấn (hàn lâm) và **ngôi bên lề cuộc sống**, nhưng **luôn luôn vào đời** chuyên hóa cuộc sống, đầy nhân tính và tình thương.

Đạo lý dân tộc không có triết gia chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp, không có những tác phẩm thành văn **mà chỉ có những câu ca dao tục ngữ, những chuyện kể mang tính dân gian**, phong phú về nhiều thể loại, bao trùm không gian và thời gian, rất xa xưa mà gần gũi cuộc sống đời thường, từ cha ông tới con cháu muôn đời. Người muốn khảo sát thì thấy rời rạc và chứa nhiều mâu thuẫn. *Có cứng mới đứng đầu gió thì làm sao có thể gió chiều nào xoay chiều đó, hoặc ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, và lúc nào cần phải quyết định chết vinh hơn sống nhục, sống đục sao bằng thác trong? v.v...* Những câu nói ngắn gọn, dễ hiểu dễ nhớ, và những chuyện kể có ẩn tượng, có gợi ý, **chuyên chở sức sống âm thầm nhưng mãnh liệt**. Lời hữu hạn mà ý vô cùng. Người học phải nắm ý ở ngoài lời. Phương pháp truyền ý của Đạo lý dân tộc rất mộc mạc, trong sáng, dứt khoát: *người khôn nói mảnh, người dại đánh đòn* (Tục Ngữ). **Lời là để tỏ ý, bất ý để sống chứ không cần nhớ lời**.

Toàn bộ kho tàng **văn học dân gian chỉ gợi ý, chuyên năng lực gợi ý qua lời, chứ không phải bằng lời thuyết giảng biện luận như các triết gia**. Giá trị gợi ý của tục ngữ, ca dao, chuyện cổ, là có thực, như những chữ những vần trong thi ca, những đường nét màu sắc trong hội họa. Tính chất gợi ý không hệ thống hóa, không thấy khởi đầu hoặc kết thúc, không do một người hay một địa phương, mà từ cha ông truyền lại và con cháu bổ sung, mỗi thời mỗi nơi có đóng góp hoàn chỉnh. Tập thể các tác giả dân gian trình bày nhận thức và thu tích khôn ngoan lưu truyền cho con cháu để tạo thành **sức mạnh dân tộc**.

Đạo lý dân tộc không phải là triết học, nhưng tới gần rồi vượt xa triết học. Truyền thống triết học dựa vào **lý trí**, hệ thống hóa tri thức để mò mẫm tìm kiếm một đường lối giải quyết những vấn đề nhân sinh ở đời. Đạo lý dân tộc dựa vào tâm, **lấy tâm thức làm chủ**, dùng lời để đánh động tâm, truyền đạt lối sống nhân bản **từ tâm sang tâm**, từ trái tim tới trái tim, từ ánh mắt qua ánh mắt, từ lời nói tới nụ cười, từ nụ hôn tới tiếng khóc, thể hệ này qua thể hệ khác. Lý trí có nhiều mặt hạn chế và còn nông cạn vì nó có thể nhận ra sự thật qua ảnh hưởng những tri thức của tai mắt, nhưng khi tiến vào tâm linh thì cuộc sống thật là vi diệu, bất gặp “**thiên lý tại nhân tâm**”, thấy mình đứng giữa trời đất (*đầu đội trời chân đạp đất*), khám phá ra mình “**linh u vạn vật**” và thỏa mãn khát vọng sâu thẳm là hòa đồng vào Siêu Việt Thể (*Chưa sinh Trời Đất có Ta trong, Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh, Trời Đất in Ta một chữ đồng, Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động, Ta thay Trời mở Đất minh mông*. Trần Cao Vân).

Giá trị con người quý hơn vàng bạc, xe hơi nhà lầu:

*Một mặt người hơn mười mặt của
Người sống của còn, người chết của hết
Lấy của che thân, không ai lấy thân che của*

(Thành Ngữ)

Đạo lý dân tộc không xem xét giá trị con người bên ngoài, mà chủ yếu đánh giá theo tâm và tại tâm. Lòng lang dạ thú là lời nguyên rủa. *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn* và *cái nét đánh chết cái đẹp* mới là đáng quý, đáng chọn. Những suy nghĩ về con người, về những vấn đề nhiều khi phiền

toái của cuộc sống, được phát biểu bằng những câu vừa súc tích vừa gợi hình gợi cảm, dễ đi vào tâm thức hơn hệ thống lý luận dài dòng sắc bén.

Đạo lý dân tộc luôn luôn mở mắt con người nhìn cuộc sống thực tế với những trách nhiệm trực tiếp. Đạo lý dân tộc là lối sống của đạo làm người. *Cây ngay không sợ chết đứng, có cứng mới đứng đầu gió, chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo*, v.v... là dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đấu tranh chống tội ác bất công, cương quyết bảo vệ cuộc sống tinh thần và vật chất, không lùi bước trước bạo lực dối trá, kiên trì giữ vững chủ quyền đất nước, độc lập dân tộc, nhân quyền dân quyền bản thân, tự do ấm no hạnh phúc cho đồng bào, công bằng văn minh thịnh vượng cho xã hội.

Chẳng những trong hành động, trong cách sống, trong tư duy, mà cả lời nói cũng trung thực, dễ cảm thông:

*Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*
(Ca Dao)

Không chỉ vừa lòng, mà **giữ chữ tín mới là quan trọng**:

*Nói lời phải giữ lấy lời,
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.*
(Ca Dao)

Đạo lý dân tộc không có sách vở, kinh điển mà chỉ có những câu ngắn gọn đi thẳng vào lòng người:

*Khôn cũng chết,
Dại cũng chết,
Biết thì sống.
Học ăn, học nói, học gói, học mở.
Gà què ăn quần cối xay.
Coi nhau như bát nước đầy là hơn.
Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
Lá lành đùm lá rách.
Thấy người hoan nạn thì thương,
Thấy người cùng khổ lại càng thương hơn.
Thương người như thể thương thân.*

Những câu nói chí tình ấy không phải là những ý niệm triết học, không phải là những lời khuyên, mà là những **đánh động tâm thức**, gõ cửa lòng người, đưa vào truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Tất cả những câu nhập tâm ấy thấm vào cuộc sống xã hội, trở thành nếp sống nhân ái và con người cảm nhận lòng nhân ái hơn.

Đạo lý dân tộc luôn luôn nói nhỏ trong tim (dần dần hòa nhập vào dòng tâm thức dân tộc).

*Chín bỏ làm mười.
Một câu nhin, chín câu lành.
Trách voi chẳng xấu mặt nào.*

Đạo lý dân tộc không phải là một tôn giáo, không có giáo điều, giáo luật, không có cơ cấu tổ chức, không có giáo quyền, giáo phẩm, không có kinh sách lễ nghi, v.v.... Đạo lý dân tộc chỉ thúc đẩy làm lành tránh dữ, ăn ở ngay lành... lễ phải, tình thương, khôn ngoan ngay thẳng là cốt lõi của đạo lý dân tộc.

Đạo lý dân tộc không bàn về đời sau, không nhắm tới Thiên Đàng hay Niết Bàn, mà chú tâm vào đời này” (Đông Phong, sđd, Trang 18-43).

Đạo lý dân tộc là thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất, liêu thời làm ăn*), sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ. **Sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ là Sống Đạo, ngoài ra không có đạo nào khác.**

Nước Việt Nam ở vào vị trí tiếp xúc giữa đất liền và hải đảo, ở vào ngã tư của những con đường giao thông thủy lộ quan trọng từ bắc xuống nam từ đông sang tây.... (Lịch Sử Việt Nam Tập 1, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Năm 1971, Trang 60).

Mặt khác, nước Việt Nam nằm trong bán đảo Đông Dương, phía đông tiếp giáp với biển, đất nước lại dày đặc sông, suối, đầm, ao. Cho nên “**tính biển**” và “**tính sông nước**” là đặc trưng của văn hóa Việt Nam (Trần Quốc Vương, Văn Hóa Việt Nam Tìm Tòi và Suy Ngẫm, nxb Văn Hóa Dân Tộc, Trang 42).

Thế cho nên, người Việt đã đồng nhất không gian xã hội, công đồng lãnh thổ, tổ quốc của họ... với nước. Thế cho nên, người Việt không thể không học hỏi nơi nước non và với tấm lòng cởi mở, hồn nhiên, thô phác, nguyên sơ, **họ đã tự đồng nhất mình với nước** (Trần Quốc Vương, sđd, Trang 42). Có lẽ trên thế giới chỉ có người Việt gọi quê hương mình là NƯỚC: NƯỚC Văn Lang, NƯỚC Việt Nam.

Môi trường sống đó đã rèn luyện, xây dựng cho dân tộc Việt Nam **tính khai phóng và dung hóa**. Ở vào ngã tư của Đông Nam Á và Á Châu không tiếp nhận những tư tưởng ngoại nhập thì chết, nhưng tiếp nhận mà không đả lọc, không việt hóa nó cho phù hợp với tâm tư tình cảm của người Việt thì cũng chết.

“Thì cứ xem, người Việt thượng cổ thời Đông Sơn đóng khố và mặc váy, người Việt trung cổ và cận cổ mặc cái “quần ta” mà chính ra là cái quần Tàu được thích nghi và cải biến, và người Việt hiện đại mặc “quần phẳng”, quần Âu và thậm chí cả “quần bò” nữa ... ấy thế mà, về cơ bản, người Việt có đánh mất cái bản chất “ta lại là ta” đâu, họ có vì thay đổi y phục (hình thức khoác ngoài thân xác) mà bị Hán hóa, Pháp hóa hay Mỹ hóa đâu.

Nước, qua quá trình nghiệm sinh và nội tâm con người Việt Nam, có lòng đại lượng khoan dung nó thu nhận tất cả vào lòng, nhưng đâu vì vậy mà trở thành vô nguyên tắc: **tự mình, nước biết “gạn đục khơi trong”** như người Việt Nam vậy. Tiến Sĩ H. R. Feraye cho rằng nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính “**không chối từ**” (none-refuse) của nó.

Thực ra, nó chỉ có một chồi từ: sự đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hóa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa, của Hoa (Hán), của Ấn, của Nam Đảo, của Âu – Tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật

Thì đó, trong từ vựng tiếng Việt, giới ngôn ngữ học có thể “lọc” ra những từ vựng cơ bản gốc Môn – Khome, những từ liên quan đến nghề nông trồng lúa gốc Tày – Thái, những từ liên quan đến cá núi và biển khơi hải đảo gốc Mã Lai, những từ gốc Tạng – Miến, biết bao từ vựng triết lý và đạo lý gốc Hoa (Hán), biết bao từ của Phật giáo gốc Ấn, biết bao từ kỹ thuật học hiện đại gốc Âu – Tây. Nhưng tiếng Việt vẫn là tiếng Việt, duyên dáng và trong sáng (Trần Quốc Vương, sđd, Trang 43-45).

Suốt chiều dài lịch sử, dân Việt nhận nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, Đông Nam Á, Ấn Độ, Âu – Mỹ, nhưng **luôn luôn duy trì nền tảng văn hóa của chính mình**, vẫn giữ bản sắc đặc thù mang tính nhân bản và hiện thực của chính mình. Người Việt tiếp nhận những phù hợp với tâm tư tình cảm qua đãi lọc và việt hóa mà không chìm đắm trong bản chất của những hiện tượng ngoại nhập (Nho – Lão – Phật – Kitô Giáo – Tin Lành, Tư Bản, Cộng Sản, v.v...) **ông cha ta xem những hiện tượng đó như rế, giày, dép:**

*Có rế cho đỡ nóng tay
Có dép có giày cho đỡ nóng chân.*

Hoặc

*Ăn sung nằm gốc cây sung,
Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.*

Tất cả những hiện tượng nào đi ngược lại với **trật tự tự nhiên của thiên nhiên** và trái với nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, và giam hãm trói buộc tâm linh con người thì dòng sống dân tộc sẽ đãi lọc, tìm cách thích ứng thích nghi để bảo tồn bản sắc văn hóa tràn đầy tính người và tình người của nền giáo dục nhân bản tâm linh với châm nang dịch lý: *học ăn, học nói, học gói, học mở*, và truyền thống thể hiện tình thương và trí tuệ trong cuộc sống ngay tại đây và bây giờ.

*Trăm nghe không bằng một thấy,
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa như Tiên Rồng (như nước bốc hơi); thăng hoa mãi theo kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng của nền tâm học: **Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng – Hòa cùng vụ trụ, hội nhập vào dòng tâm thức dân tộc, khơi dòng sống sinh động hòa cùng dòng tâm thức nhân loại.**

Vì thế chúng tôi tìm hiểu học hỏi “tất cả”, theo truyền thống của dân tộc như đã trình bày ở phần trên – qua đãi lọc và việt hóa những tư tưởng ngoại nhập để thích hợp với tâm tư tình cảm người Việt,... “tìm cách dung hóa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa (Hán), của Ấn, của Nam Đảo, của Âu – Tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật” (Trần Quốc Vương, sđd, Trang 45) – **mà không chìm đắm trong bản chất của những hiện tượng ngoại**

nhập (như “Cộng Sản”, Tư Bản, Kitô Giáo – Tin Lành, Phật Giáo, Nho Giáo) và cũng không ôm vinh quang của quá khứ để ngoại ban lợi dụng, để nội lực bị thui chột và đắm chìm trong lạc hậu nghèo đói.

Dân Tộc và Chủ Nghĩa CỘNG SẢN

Người Cộng Sản nghiên cứu văn hoá Việt **theo định hướng** chủ nghĩa Cộng Sản. Chẳng hạn họ gò ép nếp sống nông dân Việt Nam ngày xưa với **chế độ phong kiến và chế độ nô lệ**. Hai mươi hai năm với Thập Nhị Sứ Quân (945-967) và Trịnh Nguyễn phân tranh không phải là chế độ phong kiến. Việt Nam có nô tỳ, dù có người nô lệ, cũng không phải là chế độ nô lệ, vì không có **học thuyết chủ trương** trong xã hội phải có nô lệ thì xã hội mới phát triển và để phục vụ cho giai cấp quý tộc.

Việt Nam cũng không có phân chia giai cấp khắc nghiệt như ở Âu Châu, Ấn Độ và Trung Quốc. Chủ trương **lấy hận thù** đấu tranh giai cấp là một sự áp đặt không phù hợp với xã hội chan hòa tính người và tình người, “*thương nhau củ ấu cũng tròn, dù trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng*”, với đạo lý của dân tộc là “*thương người như thể thương thân*”. Nó cũng không phù hợp với quan điểm sống xem mọi người trong xã hội như anh em ruột, qua cách xưng hô tràn đầy thân thương, có một không hai trên thế giới: chú, bác, cô, dì, dượng, cậu, mợ, anh, chị, em, v.v.... Không ai nở phân chia đẳng cấp với chú, bác, cô, cậu mình; và cũng không ai nhẫn tâm bắt chú, bác, cô, cậu mình làm nô lệ. Quan điểm xem mọi người trong xã hội đều là anh chị em ruột, và mọi người sinh ra đều bình đẳng được huyền thoại hóa qua bóc trăm trứng nở trăm con cùng một lúc.

Muốn thấy rõ tính chất dân chủ (bình đẳng, tôn trọng nhân quyền) và tiến bộ của xã hội Việt Nam thời Đinh, Lê, Lý, Trần...ta nên nhớ là thời đó dân nông nô Tây Phương đang sống cuộc đời trâu ngựa để cung phụng cơm ăn áo mặc cho bọn lãnh chúa tàn bạo và hưởng lạc. Thời Trung Cổ xã hội Âu Châu chia làm hai giai cấp: một là giới quý tộc thống trị, con cháu của các rợ phương Bắc, và giới nông nô gồm có dân bản địa bị thua trận. Giai cấp quý tộc chỉ có một việc là ăn, chơi và đánh nhau, mọi sinh hoạt đã có dân nông nô cung phụng.

Thành ra tuy cũng là chế độ quân chủ, nhưng bản chất và đặc tính của chế độ **quân chủ Việt Nam và Âu Châu khác nhau một trời một vực**. Chẳng hạn các quý tộc ở Tây Phương là chúa tể một địa phương và truyền tử lưu tôn, trong khi các tước phong của Việt Nam thì chỉ là hư vị và không có chuyện cha truyền con nối và nếu có người được phong tước mà làm lỗi lầm thì có thể bị lột chức....Cho nên nói đến chế độ phong kiến ở Việt Nam là nói bậy. (Phạm Khắc Hàm, Triết lý Lý Đông A, Triết lý TỔNG THỂ DUY NHÂN, trang 246-247).

Cộng Sản còn chủ trương, nếu không muốn nói, bắt buộc **yêu nước phải đi kèm với yêu xã hội chủ nghĩa, như ngày xưa ái quốc là phải trung quân**. Xã hội chủ nghĩa là một hiện tượng, một chế độ chính trị. Nó thay đổi theo thời gian, chỉ tồn tại qua một giai đoạn trong tiến trình phát triển chính trị (chế độ phong kiến, quân chủ, tư bản, cộng sản, dân chủ...) để rồi sẽ bị thay thế bởi một chế độ khác... (chế độ nhân bản chẳng hạn). Chỉ có dân tộc (chủ nghĩa dân tộc) mới trường tồn vĩnh cửu. Chủ nghĩa dân tộc hay ý thức dân tộc - bao hàm ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển các giá trị vĩnh hằng do dân tộc sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử -

nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hoá dân tộc và phát huy ngày thêm tốt đẹp. Nhìn dưới khía cạnh “lực” thì lòng yêu nước ví như ngoại công, còn ý thức dân tộc như nội lực.

Vì thế khi cần phải bảo vệ dòng sinh mệnh vĩnh hằng của dân tộc, ái quốc chủ nghĩa phải nhường bước cho dân tộc chủ nghĩa. Đó là trường hợp của Nhật Bản trong Đệ Nhị Thế Chiến. Nhật Hoàng đã phải trấn áp ngọn sóng ái quốc mà cần răng xin quy hàng Hoa Kỳ để bảo tồn dòng sinh mệnh văn hoá của hậu duệ Thái Dương Thần Nữ. Chủ nghĩa dân tộc nuôi dưỡng và phát huy “hồn dân tộc”, bao hàm bản sắc và nội lực, giúp dân tộc được trường tồn với một bản sắc cá biệt trong muôn vàn dân tộc khác trên thế giới. Chính ý thức dân tộc sâu sắc ấy đã giúp dòng Lạc Việt bảo tồn được bản sắc trước áp lực đồng hoá khủng khiếp và liên tục hơn một ngàn năm của Hoa (Hán tộc), Trăm dòng Việt (Bách Việt) trải dài từ phía Nam sông Dương Tử xuống đến phương Nam núi Ngũ Lĩnh chỉ còn tồn tại một dòng Việt duy nhất – Lạc Việt – ngày nay. Sự kiện dân Do Thái dù phải tha hương khắp thế giới cả ngàn năm nhưng đã trở về dựng lại được đất nước chính là một thiên sử ca hùng tráng của chủ nghĩa dân tộc. Trong kiếp tha hương đọa đầy hằng thiên niên kỷ ấy, người Do Thái đã mang theo hồn nước, bám chặt vào bản sắc và nội lực của văn hoá dân tộc nên duy trì được dòng sinh mệnh của giống nòi.

Một khi đánh mất đi ý thức dân tộc, không còn hồn dân tộc, con người sẽ giống như một loài cây bị tróc rễ, bật gốc (vong bản). Người ấy dần dần bị tha hoá, không còn bản sắc, mất đi nội lực và sống dật dờ như bọt bèo trên dòng nước. (Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, nxb Tủ sách Việt Thường, năm 2000, trang 7-8). Mặt khác, yêu nước mà phải đi kèm với yêu xã hội chủ nghĩa, tức là đem văn hoá ngoại lai phi nhân áp đặt lên nếp sống Việt. Như thế là lấy cường bạo hung tàn xoá bỏ đạo lý dân tộc. “Thương người như thể thương thân”, đem hận thù đấu tranh giai cấp thay đạo nghĩa, đem cường bạo thay chí nhân.

Qua kinh nghiệm sống đầy xương máu suốt chiều dài lịch sử cận đại, người dân Việt đã ý thức được thực chất của tự do dân chủ Cộng sản là **Độc Tài**, đảng trị phục vụ cho giới thống trị; thực chất của tự do dân chủ tư bản là nô lệ hoá con người một cách tinh vi nếu không muốn nói là siêu Cộng sản phục vụ cho giới tư bản tài phiệt. Trong bài phát biểu “lý tưởng của thanh niên”, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã khẳng định rằng dân tộc nào để cho văn hoá ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự vì văn hoá là linh hồn của một dân tộc.

Quan điểm “**độc lập văn hóa**” đã được ông cha chúng ta huyền thoại qua hình ảnh dân tộc Việt Nam là con Rồng cháu Tiên. Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu hiện của nền văn hóa tình thương, văn minh nhân bản để con cháu Việt noi theo.

Bản sắc đặc thù của nền văn hoá Văn Lang (Việt Nam) là nền văn hoá xóm làng. Tính ưu việt của nó là **văn hóa trồng lúa nước** mang tính **hài hòa** và **hợp tác**, ổn định lâu đời. Đó là nền văn hoá hòa bình nhân bản dân tộc, mang tính khai phóng và dung hoá trong giao lưu, qua lăng kính nhân chủ và dân chủ, dung hợp được tự do, bình đẳng và tôn trọng hương ước (ngày nay gọi là thượng tôn pháp luật).

Nền văn hóa này khởi đi từ lối sống **hài hòa** giữa thân tâm, với nếp sống hòa thuận (thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn), trong gia đình **phân công** (*chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*), **hòa mục** trong xã thôn tự trị (*phép vua thua lệ làng*) đến sự **thái hòa** của đất nước qua chế độ địa phương phân quyền. Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa; thăng hoa

mãi như Tiên-Rồng (như nước bốc hơi) theo chiều kích tâm linh, phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng *BIẾN-HOÁ-THẮNG HOA, HÒA ĐỒNG*, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng tâm thức dân tộc, phong phú hóa dòng sống sinh động của dân tộc.

Văn minh Văn Lang-Âu Lạc chan hòa tính người và tình người kéo dài trên 2000 năm. Năm 179 trước Tây Lịch Triệu Đà đánh chiếm nước Âu Lạc. Nước ta bị Bắc thuộc trên 1000 năm với chính sách đồng hoá vô cùng khủng khiếp để biến dân ta thành dân Tàu như dân Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến v.v....

Chiến thắng oanh liệt của dân quân ta dưới sự lãnh đạo của vị anh hùng dân tộc Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng năm 938, mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc, thời kỳ độc lập lâu dài Đinh, Lê, Lý, Trần. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống năm 1077 kết thúc với thắng lợi huy hoàng hoàn toàn về phía dân tộc Việt Nam. Để khích lệ lòng quân, Lý Thường Kiệt đã làm một bài thơ ngắn gọn nói lên sự vươn lên của cả dân tộc quyết tâm chống quân xâm lăng:

***Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Rành rành định mệnh ở sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bây sẽ bị đánh tơi bời.***

Bài thơ ghi vào lịch sử như bản Tuyên Ngôn Độc Lập, khẳng định “độc lập dân tộc” là một quyền tự nhiên thiêng liêng (định phận ở sách trời) không thể xâm phạm quyền tự quyết và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Năm 1406, nhà Minh đem quân đánh nước ta, tiêu diệt nhà Hồ. Chiếm nước ta trong 20 năm. Quân Minh đã đánh bại nhà Hồ, nhưng không thể khuất phục được dân tộc Việt Nam (lịch sử Việt Nam tập 1, nxb KHOA HỌC XÃ HỘI, Hà nội năm 1971 trang 237). Năm 1416, tại núi rừng Lam Sơn (Thanh Hóa) Lê Lợi cùng 18 người bạn chiến đấu làm lễ tuyên thệ nguyện một lòng quyết tâm đánh đuổi quân xâm lăng cứu nước. Sau 10 năm chiến đấu gian khổ, cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thành công vẻ vang. Ngày 3 tháng 1 năm 1428, quân xâm lược bị quét sạch ra khỏi bờ cõi. Ông cha chúng ta tái xác nhận quan điểm độc lập văn hoá bằng ngôn từ thay vì bằng biểu tượng như thời đại Văn Lang:

***Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.***

Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi được ghi vào lịch sử như bản **Tuyên Ngôn Con Người**, nói lên tầm quan trọng của độc lập văn hoá, đồng thời khẳng định hướng đi của dân tộc là nhân đạo: “***lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo***”, đã được Tổ Tiên chúng ta vạch ra từ thời đại Văn Lang qua biểu tượng Thần Tỏ Kép TIÊN RỒNG, Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non NHÂN). Cha RỒNG Lạc long sống dưới biển (nước TRÍ). Nhân ái (tình thương) và trí tuệ là định hướng của dân tộc Việt Nam trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm. Ở đâu có tình thương hồn nhiên trong sáng, tức dưới ánh sáng của trí tuệ ở đó có hài hòa (*hòa cả*

làng). Hải hòa cũng được thần thoại qua hình ảnh MẸ TIÊN ÂU CƠ sánh vai cùng cha RỒNG LẠC LONG trong biểu tượng thần tổ kép TIÊN RỒNG.

Sở dĩ chúng tôi phải dài dòng như thế để minh xác một điều là hận thù, đấu tranh giai cấp độc tài đảng trị không phù hợp với tâm tư tình cảm của dân tộc Việt, vốn đã được xông ướp trong nếp sống chan hòa tính người và tình người với đạo lý “*thương người như thể thương thân*”. Nói cách khác nó không phù hợp với bản sắc dân tộc. Hận thù, đấu tranh giai cấp độc tài đảng trị là nguyên nhân tầy bở văn hoá dân tộc để phục vụ cho mưu đồ bá quyền của chủ nghĩa ngoại lai.

Bạo lực, hận thù, đấu tranh giai cấp, độc tài đảng trị cũng không phù hợp với hướng đi nhân đạo của dân tộc “*lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo*” để xây dựng nền văn minh nhân bản mà không kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giá hoặc ý thức hệ, với chế độ chính trị điều hợp nhân tính. Đó cũng là xu hướng tất yếu của nhân loại trong những thập niên tới. Hơn nữa như nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đã khẳng định rằng: “dân tộc nào để cho văn hoá ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thật sự vì văn hoá là linh hồn của một dân tộc”.

Dân Tộc và KITÔ GIÁO - TIN LÀNH (Tôn giáo độc thần)

Các Mục sư và các Cha thuộc Giáo Hội La Mã (Vatican) thường dùng cách “*cưỡng tình đoạt lý*” thuyết phục người ta phải tin rằng “**trời**” trong nếp sống Việt là “Thiên Chúa **TOÀN NĂNG**” là “**Chúa Trời**”. Trong nền văn hóa Việt, văn hóa trồng lúa nước, người nông dân Việt xem “**trời**” là bầu vũ trụ chuyên biến, là thời tiết: “*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*”. Họ không xem trời là chúa tể tạo dựng muôn loài với thần quyền tối thượng: “*con cóc là cậu ông trời*” (cóc kêu là trời mưa). Vợ còn vượt cả trời: “*nhất vợ nhì trời*”.

Các Cha có nhận con cóc là cậu của Thượng Đế, Chúa Trời không? và Mục sư có dám xem vợ mình trên cả Jesus, Chúa trời không?

Trong nếp sống Việt “*thấy trời có lỗi*”, thì ngay con cóc cũng có thể kiện (truyện cổ tích Cóc Kiện Trời); Trời sai thì một anh nông dân dốt nát cũng có thể ba lần đánh thắng Trời (truyện Cường Bạo Đại Vương). Bất kỳ ai có điều không hài lòng đều có thể chất vấn trời; ông Trời Việt Nam thì phải trả lời có lý do chính đáng và xưng hô “*mày- tao*” một cách bình đẳng:

*Bắt thang lên hỏi ông Trời,
Sao không thí bỏ cho tôi tí chông!
Ông Trời ngoảng mặt lại trông:
Mày hay kén chọn ông không cho mày.*

Trong sử thi Đam San của đồng bào Tây Nguyên, chàng Đam San đòi lấy nữ thần mặt Trời (= Bà Trời) chỉ trong chuyện cổ tích Việt Nam mới có mô-típ người lấy Tiên! (Trần Ngọc Thêm-Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, nxb thành phố Hồ Chí Minh trang 255).

Mặt khác Thánh Kinh cho rằng người nữ là cái “*xương sườn*” của người đàn ông và người nữ là biểu tượng cho tội lỗi (nguyên nhân của tội tổ tông) không phù hợp với nếp sống có **truyền thống bình đẳng giữa nam và nữ**. Trên thế giới có lẽ ít có một hình ảnh bình đẳng tuyệt vời

giữa nam và nữ, giữa cha và mẹ cùng sánh vai nhau trong một biểu tượng: Thần Tổ Kép TIÊN RỒNG (mẹ Tiên ÂU CỐ và cha Rồng LẠC LONG). Quan niệm mọi người sanh ra đều bình đẳng được huyền thoại hoá qua hình ảnh bọc trăm trứng ***nở trăm con cùng một lúc***. Điều đó cũng thể hiện qua những câu ca dao tục ngữ, khi nói đến cha cũng nhắc tới mẹ hoặc ngược lại, trừ những trường hợp ngoại lệ đặc biệt.

*“Cha khôn Mẹ khéo”
Có **CHA MẸ** mới có ta,
Làm nên nhờ có **MẸ CHA**.
Công **CHA** như núi Thái Sơn,
Nghĩa **MẸ** như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ **MẸ** kính **CHA**,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Vai trò người nữ trong nền văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước

Tiến trình canh tác và sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước đòi hỏi phải chia ra nhiều công đoạn: nặng nhọc như cày bừa, tát nước chống úng phòng lụt, nhẹ nhàng hơn như nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, bón phân v.v.... Vì thế nam cũng như nữ được phân công hợp tác vào từng công đoạn thích hợp: nặng nhọc dành nam, nhẹ nhàng cho nữ.

*Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.
Em về nhổ mạ, anh bừa ruộng chiêm.
Chồng chài, vợ lưới, con câu.*

Do đó, vai trò người nữ trong nền văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước vô cùng đa dạng, chứ không đến nỗi hầu như vô dụng, như trong nền văn hoá du mục, khi họ phải sống bám vào sức lực của người nam. Từ đó, **người nữ trong xã hội nông nghiệp trồng lúa nước được đối xử bình đẳng** (Thường Nhược Thủy, sđd, trang 35), chứ không bị xem thường (biểu tượng của tội lỗi), như trong nền văn hóa Kitô giáo. Theo Thánh Kinh, người nữ là nguyên nhân của tội tổ tông.

Mặt khác trong tiến trình canh tác lúa nước cần sự đóng góp công sức lao động của nhiều người trong gia đình. Vì nhu cầu đó mà **“có nhiều con cái”** được xem là lộc trời cho, vai trò người mẹ trở nên quan trọng, nền tảng gia đình trở nên cần thiết trong việc kế thừa ruộng đất của cha ông cũng như phát triển hoa màu hiện có (Thường Nhược Thủy, sđd, trang 35). **Cho nên người nữ trong vai trò làm vợ, làm mẹ được nể vì được yêu quý, được coi trọng là lẽ đương nhiên.**

Nếp sống phân công hợp tác giữa nam và nữ, cùng nhau làm việc trên đồng ruộng và lễ sống chan chứa tình người và tình người đó đã xây dựng tinh thần bình đẳng trong dòng sống dân tộc. Ở thế kỷ 15 tinh thần bình đẳng giữa nam và nữ, vợ và chồng trong nếp sống của người dân Việt được minh định trong luật HỒNG ĐỨC còn gọi là QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT năm 1483. Luật Hồng Đức đã hơn hẳn và bỏ xa mọi nền luật pháp trên thế giới ít ra gần năm thế kỷ, ở

chỗ bộ luật Hồng Đức đã quy định “bình quyền dân sự” giữa vợ và chồng về cả hai mặt: bình quyền về nhân thân và bình quyền về tài sản:

- Vợ có quyền đi thừa chồng khi người chồng say mê một người đàn bà khác (điều 309).
- Vợ có quyền xin ly dị, khi chồng xao lãng bổn phận (điều 308).
- Con gái được hưởng quyền kế thừa như con trai (điều 388).
- Vợ chồng hoàn toàn bình đẳng về hôn sản trong các điều 374-375-376.

“Luật Hồng Đức soạn ngay dưới thời ông vua sùng Nho, thích mô phỏng TRUNG QUỐC, Lê Thánh Tôn, mà do áp lực của lịch sử vẫn phải tôn trọng những nhân tố nội sinh trong nền văn hóa dân gian” (TRẦN QUỐC VƯỢNG, Văn hoá Việt Nam Tìm Tòi và Suy Ngẫm, nxb VĂN HOÁ DÂN TỘC, năm 2000, trang...).

Điều đó cho thấy không có bất cứ sức mạnh nào, áp lực nào, kinh điển nào, khuôn mẫu đạo đức phản nhân tính nào có thể xoá bỏ nếp sống mang tính nhân bản và hiện thực, thuận lý theo thiên nhiên, tức theo sự cảm nhận Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên), nếu không muốn nói theo sự chỉ dạy của “ông thầy” Thiên Nhiên (xem thêm Phụ Nữ Việt Nam - Con Người và Thiên Nhiên trên website www.tusachvietthuong.org).

Tín ngưỡng tôn giáo (tôn giáo độc thần) đòi hỏi, bắt buộc phải tin có Thượng Đế; và Thượng Đế luôn luôn có mục đích dẫn đường đi đến một định mệnh. Đối với bản sắc văn hoá Việt Nam, trong nếp sống mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần đều lấy con người làm gốc (nhân bản), xây dựng nếp sống tràn ngập tính người và tình người, và chỉ có liên hệ giữa con người và trời đất với lòng mở rộng, tâm linh tự do, “trí” biết đến đâu vũ trụ có tên đến đó, không chấp trước; mà thuận lý theo thiên nhiên (*trông cơ trời đất liệu thời làm ăn*) sống trọn vẹn với cuộc sống, theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ, qua hoá trình giáo dục nhân bản tâm linh: **học ăn, học nói, học gói, học mở** (mà không kêu cầu đến tôn giáo hay ý thức hệ, với định hướng: Biến – Hoá - Thăng Hoa - Hoà Đồng, hoà cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng sống dân tộc.

Sinh ra là con dân nước Việt. Cho nên, việc thay QUỐC TỬ HÙNG VƯƠNG bằng Tổ Phụ ABRAHAM của Do Thái hay bất cứ ông TỔ nào cũng không hợp tình hợp lý và còn có tội với TỔ TIÊN dân tộc VIỆT NAM.

Dân Tộc và Nho Giáo (Khổng Học)

Lời dẫn nhập

Ông Toynbee, một học giả nổi tiếng người Anh đã viết bộ sách lớn của ông là “A Study of History” rằng từ cổ chí kim có 29 nền văn minh. Nhưng khi viết đến quyển cuối thì ông phải sửa lại là có 32 nền văn minh. Và nền văn minh Việt Nam (văn minh Việt Nam chứ không phải là văn minh Bách Việt – chữ của người viết), nằm ngang với các nền văn minh khác như Trung Hoa, Ấn Độ, La Mã, Hy Lạp,

Trong bài viết “Tháp Sáng Lại Quá Khứ Bị Lãng Quên” (New Light On A Forgotten Past) giáo sư Wilhelm G. Solheim II, PhD đã viết: tôi đồng ý với ông Saucer là việc thuần hóa những

cây canh nông được những người thuộc **nền văn hóa Hòa Bình** thực hiện đầu tiên tại một vùng nào đó ở Đông Nam Á. Tôi không ngạc nhiên nếu việc thuần hóa này đã từ năm 15 T.T.L.

Tôi nghĩ rằng những dụng cụ đá mài có lưỡi bén tìm thấy ở Bắc Úc với tuổi là khoảng 20,000 T.T.L. do bằng C-14 có nguồn gốc từ nền văn hóa Hòa Bình....

Những giả thuyết cổ điển về thời tiền sử của Đông Nam Á thường cho rằng có những cuộc di dân mang theo những kỹ thuật quan trọng từ miền bắc xuống Đông Nam Á. Tôi đề nghị ngược lại vào thời đại Tân Thạch Khí, nền văn hóa Bắc Trung Hoa **bắt nguồn từ một chi của nền văn hóa Hòa Bình** ở miền bắc Đông Nam Á vào khoảng năm 6,000-7,000 T.T.L.

Tôi nghĩ rằng nền **văn hóa Long Sơn** không phải là phát sinh từ Ngưỡng Thiều ở miền bắc Trung Hoa mà **phát sinh từ miền nam Trung Hoa rồi lan lên phía bắc**. Cả hai nền văn hóa Long Sơn và Ngưỡng Thiều đều **bắt nguồn từ nền văn hóa Hòa Bình** (National Geographic, March 1971).

Dân Tộc và Nho Giáo

Như vậy, chỉ những người mà nội lực dân tộc bị thui chột, dòng tâm thức dân tộc bị băng hoại, không đứng được trên hai chân của mình, còn lệ thuộc vào sách vở kinh điển mới tìm mọi lý lẽ biện giải, biện hộ cho việc tự nguyện làm nô lệ tư tưởng Tàu qua cái hỏa mù “thuật nhi bất tác” để tôn thờ Khổng Tử.

Dòng sông và dòng tâm thức dân tộc luôn luôn biến chuyển theo đà tiến hóa của nhân loại. Tìm cách trở về dòng sông và dòng tâm thức thời quá khứ cả mấy ngàn năm trước là không hợp tình hợp lý.

Hơn nữa, ngày nay trên thế giới không có dân tộc nào là dân tộc thuần chủng. Theo các nhà dân tộc học, trên lãnh thổ Việt Nam có 54 tộc người sinh sống. Dân tộc Mỹ cũng gồm nhiều chủng tộc khác nhau, Âu – Á – Phi, ... Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, v.v... cũng thế.

Những người Việt Nam quên cội nguồn mình là dân tộc Việt Nam bị ám ảnh bởi cái hào quang quá khứ của các nhóm Bách Việt sống trên đất Tàu, nếu không muốn nói bị điệu kiện hóa bởi “chủng tộc Bách Việt”. Thực ra “nếu bỏ Nho thì chỉ thấy ngọn, chứ chưa đến tận gốc của văn hóa vì Nho giáo chứa đựng những hằng số của văn hóa nước ta”.

Bình tâm nhận xét thì sẽ thấy rằng “thuật nhi bất tác” là thủ đoạn gian trá của Khổng Tử, đánh lừa các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu (xem phần sau). Tư tưởng siêu việt của Khổng Tử được giới thống trị Trung Quốc xem như một báu vật để củng cố ngai vàng, thực hiện chính sách độc tài chuyên chế.

Nói một cách ngắn gọn Khổng Tử là phương tiện có giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị của giới thống trị Trung Quốc suốt chiều dài lịch sử.

Từ một gã lưu manh, ngồi trên lưng ngựa mà lấy được thiên hạ, Lưu Bang trở thành Hoàng Đế Trung Hoa, coi thường văn sĩ nho sinh, thậm chí tới mức khi có dịp gặp nhà Nho, Hán Cao

Tổ thường giật mũ của họ, **rời đi tiêu vào đó**. Để củng cố ngai vàng, Hán Cao Tổ trở thành tín đồ của Khổng Tử, sử dụng hàng loạt cả trăm nho sĩ. Tư tưởng nho gia trở thành “**tín ngưỡng chính thống**” của đế quốc Hán. Nho giáo trở thành “**quốc giáo**” và ông vua chuyên chế trở thành “**cha mẹ của dân**” và kẻ làm vua không làm điều gì sai. Nhà nho đã dạy cho Hán Cao Tổ giống Tần Thủy Hoàng, củng cố chính thể chuyên chế khắc nghiệt tàn bạo dã man, kéo dài trên 400 năm.... Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều dùng **chiến tranh bạo lực** để chiếm đoạt ngai vàng. Rồi để giữ vững triều đại đều dùng tư tưởng Khổng tử để dân Tàu khuất phục, phục vụ chế độ chuyên chế.

Điểm đáng lưu ý là mô hình do Khổng Tử và môn sinh khiên lập có một hấp lực rất lớn đối với các chế độ toàn trị và hình thức giả hình “ngoại Nho” (hay ngoại Vương) nội pháp (Thường Nhục Thủy, Cuộc Xâm Lãng Không Tiếng Súng, Trang 163).

Mao Trạch Đông gọi “cái học của Khổng Tử là cái học ăn cứt” (Khổng Khuru nghiêm phần chi học). Hiện nay, tình hình đất nước “**tam yên**”, kinh tế đang trên đà phát triển, cải thiện được đời sống khoảng 300-400 triệu người sống ở các độ thị, tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc e ngại gần một tỉ còn lại sống nghèo đói thống khổ ở thôn quê nổi loạn. Tập đoàn Hồ Cẩm Đào, đệ tử của Hoàng đế Mao Trạch Đông, lại phục hồi tư tưởng Khổng Tử, ru ngủ dân Tàu, ngoan ngoãn sống, tuân phục và phục vụ chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị. “Nhìn chung Khổng Tử vẫn còn giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị. Như vậy thì Khổng Tử nên được coi là vạn thể sư biểu hay là thiên cổ tội nhân đối với Trung Quốc nói riêng và nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ nói chung của Việt Nam và Đông Nam Á?” (Thường Nhục Thủy – Khổng Tử và Các Nho Gia Khổng Môn đã Hình Thành Dân Tộc và Đất Nước Trung Hoa Như Thế Nào?, Cuộc Xâm Lãng Không Tiếng Súng, N.X.B Tủ Sách Việt Thường, năm 2005, trg 146-166, www.tusachvietthuong.org).

Thực tế lịch sử cho thấy, tư tưởng siêu việt của Khổng Tử như tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (họ đang bình thiên hạ ở Tây Tạng, ở biên giới và biển đông Việt Nam), vương đạo, chính danh, nhân ái, nhân trị, hòa nhi bất đồng, tứ hải giai huynh đệ chỉ tìm thấy trong sách vở hoặc trên đầu môi chót lưỡi của giai cấp thống trị (vua, quan) đánh lừa thiên hạ, ru ngủ người dân để tuân phục giới thống trị.

Chủ nghĩa bành trướng bá quyền, nét đặc thù độc đáo nhất trong sự hình thành nước Trung Quốc từ triều đại này qua triều đại khác. Tập đoàn lãnh đạo phương Bắc quyết tâm xóa sạch văn hóa Bách Việt một cách có hệ thống, từ Quản Trọng, Khổng Tử, cho đến Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông. Thế hệ của Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào bây giờ cũng không đi ra ngoài sự chỉ giáo thâm độc của Khổng Tử: phải làm như Quản Trọng – phối hợp quân sự và văn hóa – để đồng hóa người Việt Nam trở thành người Tàu như dân Quảng Đông và Quảng Tây.

Thái Độ Của Người Việt Trong Mặt Trận Văn Hóa Giữa Ta và Tàu

Mặt trận văn hóa giữa Ta và Tàu hiện nay vô cùng ác liệt và rất nguy hiểm. Ác liệt và nguy hiểm ở chỗ Tàu tìm mọi cách xóa sạch văn hóa Việt Nam với sự tiếp tay của một số trí thức khoa bảng Việt Nam tôn thờ Khổng Tử và say mê Tứ Thư Ngũ Kinh, thơ Đường và những người cầm quyền ở Hà Nội – thân Việt óc Tàu – dựa vào Trung Quốc để tồn tại.

Xây “miếu thờ Khổng Tử” ở các làng xã, lập “viện Khổng Học” dùng Tứ Thư Ngũ Kinh để nô lệ hóa nếp nghĩ (tu tưởng) của người Việt Nam, tức xây đền thờ Khổng Tử trong lòng người dân Việt. Nô lệ tư tưởng là nô lệ từ trong tim óc, đưa đến “dân tộc nạn”, nghĩa là mất nước mà dân tộc cũng bị đồng hóa trở thành người Tàu. Cơ cấu làng xã, thành trì kiên cố chống xâm lược chính trị và văn hóa sẽ bị phá nát. Óc chứa đầy Tứ Thư Ngũ Kinh; Khổng Tử ngự trị trong tâm hồn thì tâm Việt hồn Việt sẽ bị thui chột, tinh thần dân tộc bị băng hoại, lòng yêu nước cũng không còn. Lúc ấy như dân Quảng Đông, Quảng Tây, người Việt sẽ trở thành loại người thân Việt óc Tàu, dân tộc Việt Nam bị đồng hóa như các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu. Văn hóa là linh hồn của dân tộc. Linh hồn bị tha hóa thì dân tộc sẽ không thoát khỏi nạn diệt vong.

Cũng như ông cha chúng ta ngày xưa, dân tộc Việt Nam sẽ thắng trong mặt trận văn hóa vô cùng khốc liệt này. Chế độ cộng sản, tập đoàn tay sai của Tàu sẽ ra đi; miếu thờ Khổng Tử rồi cũng giống như miếu thờ Sầm Nghi Đống; viện Khổng học nơi tập trung sách lược và những kế hoạch cướp nước và đồng hóa của kẻ xâm lược sẽ trở thành trung tâm nghiên cứu ý đồ của Tàu dùng Nho giáo và Khổng Tử để lãnh đạo tư tưởng vùng Đông Bắc Á, Đông Nam Á nói riêng và thế giới nói chung(!); Chỉ một số nhỏ trí thức giỏi chữ Hán, câu nệ sách vở, tôn thờ Khổng Tử, xem Tứ Thư Ngũ Kinh là nguồn gốc của văn hóa Việt Nam thì làm sao cưỡng bức 95% người dân Việt đọc Tứ Thư Ngũ Kinh, mà hầu hết không biết Khổng Tử là ai và không đọc được chữ Hán. Không lẽ người Việt Nam phải học chữ Hán như người Bách Việt sống trên đất Tàu để đọc Tứ Thư Ngũ Kinh; hoặc phải hoàn toàn lệ thuộc những người giỏi chữ Hán. Việc làm này sẽ thui chột tinh thần dân tộc và người Việt sẽ bị đồng hóa trở thành người Tàu (sic).

Chế độ, hiện tượng ngoại nhập, tất cả sẽ ra đi theo thời gian, chỉ có dân tộc mới vĩnh cửu. Chúng ta không **bài ngoại**. Thế giới ngày nay và mai sau không cho phép chúng ta xây một ốc đảo trong lòng nhân loại. Hơn nữa môi trường sống của dân tộc Việt Nam cũng không cho phép. Vị trí địa lý nước Việt Nam – nơi giao lưu các luồng văn hóa Đông-Tây-Kim-Cô đã tạo cho dân tộc Việt Nam tinh thần khai phóng và dung hòa trong giao lưu. Tiến sĩ H.R. Ferraye cho rằng tính đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính “**không chối từ**” của nó. Thực ra, nó chỉ có một chối từ là đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hòa và hội nhập mọi sở đặc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam Đảo, của Âu Tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật (Trần Quốc Vượng, sdd, Trang 44).

Trên diễn trình lịch sử, nước Việt Nam, người Việt Nam tiếp thu nhiều ảnh hưởng của văn hóa, chính trị Trung Quốc rồi Tây Phương, Bắc Mỹ nhưng vẫn duy trì **bản sắc** văn hóa của chính mình.

Chúng ta không chủ trương yêu nước “**cực đoan**”, chỉ có ta không có người. Ông cha ta đã dạy: “*rằng trong lẽ phải có người có ta*”, và “*ghét người, thì lại hóa ra ghét mình*”. Nói cách khác trong ta có người, trong người có ta. Con người thật sự là “người” chỉ khi con người ấy ở trong mối quan hệ đủ màu đủ vẻ với người thì con người ấy mới là “**người trưởng thành**” đích thực.

Nhưng luôn luôn ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển **các giá trị vĩnh hằng do dân tộc sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử, nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc và phát huy** ngày thêm tốt đẹp, trong vườn hoa văn hóa nhân loại.

Hãy thận trọng đừng để rơi vào cái bẫy của các thế lực quốc tế với mưu đồ **xóa bỏ bản sắc dân tộc** của các nước nhỏ để thống trị thế giới qua **kinh tế, tôn giáo và văn hóa**.

Một khi đánh mất đi ý thức dân tộc, không còn hồn dân tộc, con người sẽ giống như một loại cây bị tróc rễ, bật gốc (vong bản). Người ấy dần dần bị tha hóa, không còn bản sắc, mất đi nội lực và sống dật dờ như bọt bèo trên dòng nước (Thường Nhược Thủy – Đạo Sống Việt – Tủ Sách Việt Thường, năm 2000, Trang 9).

Chúng ta học hỏi văn hóa, văn học, triết học Trung Quốc, học chữ Hán, học nói tiếng Bắc Kinh, nhưng chúng ta học với ý thức, học cái hay, bỏ cái dở chứ **không phải học để trở thành kẻ nô lệ tư tưởng Tàu**, rồi trọng Tàu, sợ Tàu và trở thành kẻ vong bản. Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng liên hệ lịch sử, văn hóa gắn bó, nên cần phải chú ý và đánh giá xác đáng các xu hướng cũng như ảnh hưởng của nó. Thái độ của ông cha ta trong giao lưu văn hóa “Có rế thì đỡ nóng tay” hoặc “có dép, có giày, thì đỡ nóng chân”.

*Ăn sung ngồi gốc cây sung,
Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.*

Xem cái hay, cái đẹp của văn hóa ngoại nhập là cái rế, giày, dép chứ không phải là bản sắc văn hóa dân tộc. Đừng để rơi vào trạng thái “**buồn ngủ gặp chiếu manh**” xem văn hóa Tàu (Tứ Thư Ngũ Kinh) là cái phao để nắm bắt **cho đó như là tinh hoa của tư tưởng Việt**.

Vào thư viện của Anh hoặc Mỹ v.v... chúng ta sẽ thấy sách nghiên cứu về Nho Giáo rất nhiều. Một số học giả Tây phương đã dày công nghiên cứu về Khổng Tử, họ phân tích xác đáng, đi sâu vào nhiều điểm còn hơn cả các nho sĩ, các khoa bảng của ta. Nhưng họ không nô lệ tư tưởng Tàu, không tôn thờ Khổng Tử. Họ không xem Khổng Tử là ông thánh bất khả xâm phạm. Họ không xem văn học Trung Quốc là siêu việt như một số khoa bảng Việt Nam, ăn không ngồi rồi, nhần tâm vô trách nhiệm, trước quốc nạn khủng khiếp của dân tộc. Nghịch lý thay!

Một số nhà khoa bảng Việt Nam lại vô tình đóng vai trò **đoàn quân tiên phong của Trung Quốc** trong mặt trận văn hóa giữa ta và Tàu, tiếp tay cho việc Hán hóa đầu óc dân tộc Việt Nam. Tứ Thư Ngũ Kinh là chữ nghĩa hóa tư tưởng của đại tộc Bách Việt sống trên đất Tàu qua lăng kính du mục để phục vụ giới thống trị du mục phương Bắc. Lịch sử cho thấy Khổng học, Nho giáo đã trở thành công cụ của giới thống trị – từ Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên (Mông Cổ), Minh, Thanh (Mãn Thanh) cho đến Cộng Sản.

Đó không phải là nếp sống, nếp nghĩ của cư dân sống ở đồng bằng sông Mã và sông Hồng. Lạc Việt đã cùng với các bộ tộc sống ở đồng bằng sông Mã và sông Hồng hình thành cộng đồng dân tộc của nước Văn Lang về sau gọi là dân tộc Việt Nam.

Có một vài điểm giống nhau là lẽ đương nhiên vì cùng cách làm ăn (trồng lúa nước) cùng lối sống (định cư) cùng khu vực khí hậu Đông Nam Á.

Hơn nữa, sách vở, chữ nghĩa chỉ là khái niệm, là cái xác chết, là căn bã của người xưa, một đồng ngôn ngữ trống rỗng. Ngôn từ, chữ nghĩa chỉ nói về sự thật chứ không phải là sự thật.

Cho nên, người của đại tộc Bách Việt, kể cả những người được vinh danh là hiền triết (Bách Việt Tiên Hiền Chí) đọc Tứ Thư Ngũ Kinh hơn 2000 năm qua cũng không thể phục hoạt được tinh thần dân tộc, ý chí tự chủ, hồn dân tộc của nhóm Bách Việt sống trên đất Tàu và tinh thần chống ngoại xâm. Tất cả tự nguyện, cam tâm tận tụy phục vụ cho các triều đại Trung Quốc (Hán, Đường, Tống, Nguyên (Mông Cổ), Minh, Mãn Thanh). Hơn nữa, trở về với cái xác chết Tứ Thư Ngũ Kinh là tạo cơ hội để Trung Quốc lợi dụng trong mưu đồ Hán hóa người dân Việt để làm bàn đạp tiến xuống Đông Nam Á, ngõ hầu khống chế khu vực Thái Bình Dương đuổi Mỹ ra khỏi châu Á (sic).

Vậy tại sao chúng ta không trở về với xóm làng Việt Nam, nơi dòng sống sinh động của dân tộc Việt Nam đang trôi chảy mà trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh tận bên Tàu? Tại sao chúng ta không trở về với tiếng nói tâm thức dân tộc qua ca dao, tục ngữ, truyện cổ và huyền thoại mà trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh tận bên Tàu? Trở về với dòng sống dân tộc đang trôi chảy trong cuộc sống để **từ đó bước vào ngôi nhà tâm linh Việt Nam**, đến tận cội nguồn văn hóa Việt Nam – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) nơi chứa đựng tinh hoa cốt lõi của văn hóa Việt Nam.

Trở về tận cội nguồn văn hóa Việt – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) mà khởi điểm là trở về với chính mình, “*trăm hay xoay vào lòng*”, tự biết mình vì “*ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*”, thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức để hóa giải những vấn nạn của dân tộc Việt Nam, chứ không phải trở về với chủng tộc Bách Việt sống trên đất Tàu.

Hiểu biết về chính mình là tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện **cuộc cách mạng bản thân**, cuộc chuyển hóa tâm thức, ngõ hầu **thay đổi cái nhìn**, nhằm **hóa giải mọi tâm lý nô lệ, ý thức hệ, tư tưởng ngoại nhập**, đã và **đang qui định những hành vi và sự suy tư của mình**. Càng tự biết mình, ánh sáng nội tâm càng dễ phát sinh. Năng lực của nguồn sáng nội tâm sẽ thay đổi cái nhìn hẹp hòi, ích kỷ sang cái nhìn chân xác, trong sáng không còn bị tư dục ràng buộc chi phối, phá bỏ sự ngăn cách của lòng người, thì tình thương phát triển một cách hồn nhiên trong sáng.

“Thuật nhi bất tác”: thủ đoạn gian trá của Khổng Tử, đánh lừa các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu (nhìn dưới góc độ các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu). Napoléon là anh hùng dân tộc Pháp, nhưng dân Đức và Nga coi ông là kẻ xâm lăng. Hitler là anh hùng dân tộc Đức, nhưng người Do Thái coi ông là kẻ thù, nhân loại nhìn Hitler như là kẻ sát nhân khát máu.

Chúng ta có thể học lời hay ý đẹp của Napoléon và Hitler, nhưng không thể tạc tượng, bắt buộc con cháu tôn thờ Napoléon và Hitler. Khổng Tử cũng thế. Chúng ta không thể tôn thờ Khổng Tử như ông Thánh bất khả xâm phạm.

Khổng Tử đánh lặn con đen trong việc du nhập yếu tố du mục vào công tác “thuật nhi bất tác”: Thiên tử, trọng nam khinh nữ, độc tôn độc hữu, quân quyền, phụ quyền, nam quyền, tập trung tài sản nơi nhà vua...

Cái đạo đức chuyên lấy của người - “thuật nhi bất tác – khéo léo uốn nắn theo ý của mình đánh lừa thiên hạ với dã tâm đồng hóa các giống dân khác. Đó là sách lược lười không đánh, giả

bộ lấy đạo đức của người để đồng hóa người thành Tàu. Hòa nhi bất đồng là cái màn che giấu mưu đồ thâm kín, hòa để đồng hóa người. Cho nên “hòa” theo kiểu Nho giáo khác với “hòa cả làng” của văn minh sông Hồng, phát xuất từ nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, cách ngày nay khoảng 6000 – 7000 năm.

Đây là sách lược vô cùng thâm độc của họ Khổng. Do đó Mặc Tử đề xướng thuyết khiêm ái (thương mọi người) để chống lại cái giả nhân giả nghĩa của Khổng Tử. Còn Lão Tử chủ trương bình đẳng, tự do, sống hòa với thiên nhiên, trở về với sự chất phác, thuần lương là những giá trị đi ngược lại với chế độ phong kiến nhà Chu, kiến dựng trên quân quyền, phụ quyền, và nam quyền.

Suốt đời Khổng Tử chỉ mong nổi được sự nghiệp của Chu Công. Ông đi khắp nơi thuyết phục chư hầu (đa số thuộc tộc Bách Việt) theo văn hóa và thể chế nhà Chu. Ông bảo như có người dùng ta thì ta làm cho Đông Chu thịnh lên chăng? (Như hữu dụng ngã, ngô kỳ vi Đông Chu hồ? Dương Hóa).

Sau thời gian chu du các nước, để bán rao lý lẽ mà không ai mua, ông trở về nước Lỗ dạy học. Khổng Tử không thấy được lý do thất bại nên lúc nào cũng mong nổi được sự nghiệp của Chu Công. Ông ước ao điều đó lắm, đến nỗi nó ám ảnh ông, khiến ông thường nằm mộng thấy Chu Công. Ta theo Chu (Ngô tòng Chu; Luận Ngữ, thiên Bách dật, bài 14). Một hôm tự than rằng quá lắm vậy! Ta suy nhược rồi! Từ lâu, ta chẳng nằm mộng thấy Chu Công (cửu hĩ ngô bất phục mộng kiến Chu Công, Luận Ngữ, thiên Thuật Nhi). Thánh nhân mà sao thường nằm mơ? Có thật không?

Một trong những trí giả gốc du mục sớm nhận thức được hiểm họa văn hóa du mục bị thuần hóa bởi văn hóa Bách Việt có lẽ là Khổng Tử. Ông tìm mọi cách phục hoạt trật tự thể chế nhà Chu, một thể chế mang tính du mục cho nên ông hoàn toàn thất bại vì chủ trương của ông phục hoạt thể chế nhà Chu. Không nước nào chấp nhận để cho nhà Chu tiếp tục thống trị, nhất là các nước thuộc Bách Việt.

Tại sao Khổng Tử khen Quản Trọng hết lời? Vì hai trăm năm trước đó Quản Trọng phối hợp văn hóa với quân sự (bàn tay sắt bọc nhung) đã thành công trong việc dẹp yên, nếu không muốn nói là đàn áp dân Bách Việt (thể hiện lý tưởng BÌNH THIÊN HẠ của đạo Nho), xây dựng nghiệp bá cho Tề Hoàn Công. Chính vì thế mà Khổng Tử đã khen Quản Trọng hết lời: cho đến nay dân chúng còn được hưởng ân đức của ông ấy. Không có ông ấy thì chúng ta phải gióc (bện) tóc và cài áo bên trái (tả nhậm) như người mọi rợ (Luận Ngữ, thiên Hiến Vấn). Nói cách khác là đã bị Bách Việt hóa.

“Chúng ta (Tàu) phải gióc tóc, và cài áo bên trái như người mọi rợ” đã hé lộ cho chúng ta thấy ý đồ thâm kín của Khổng Tử là “hung Hoa diệt Di” với đầu óc kỳ thị. Như vậy, “thuật nhi bất tác, tính nhi hiếu cổ”, không sáng tác kinh điển mà chỉ san định, chỉ thuật lại đạo cổ xưa, nhưng thực chất là cố uốn nắn khéo léo ưu điểm văn hóa nông nghiệp phương Nam (văn hóa Bách Việt) để che giấu ý đồ củng cố tinh thần văn minh du mục với bàn tay sắt bọc nhung, “ngoại nho nội pháp” theo đúng chỉ đạo văn hóa du mục phong kiến do Chu Công thiết lập trong sách lược hung Hoa diệt Di.

“Thuật nhi bất tác” là viên thuốc độc bọc đường, một thủ đoạn dối trá, xảo quyệt trong sách lược Hưng Hoa Diệt Di vô cùng thâm độc; “thuật nhi bất tác” là viên thuốc mê, người dân uống vào là ngoan ngoãn phục tùng giới thống trị độc tài chuyên chế. Chính vì thế mà các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu bị đồng hóa dễ dàng và đất nước trở thành quận huyện của Trung Quốc.

Quyển “Bách Việt Tiên Hiền Chí” là dấu ấn lịch sử cho chúng ta thấy các hiền triết Bách Việt sống trên đất Tàu cam tâm tự nguyện phục vụ cho các triều đại Trung Quốc. Phải chăng vì họ đã thâm nhuần “Tứ Thư Ngũ Kinh”?

Chẳng hạn, dân Man nổi dậy giành độc lập, Lý Tiên (trong danh sách Bách Việt Tiên Hiền Chí) cho là giặc Man, đem quân dẹp yên, được vua Hán khen thưởng. Tôn Văn (Tôn Dật Tiên) không những quên mình thuộc dân Bách Việt (Quảng Đông, Quảng Tây) bị Tàu đồng hóa mà còn cho rằng người Việt Nam có tính nô lệ.

“Có căn tính nô lệ!” Nhưng người Việt Nam giữ được độc lập trải qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Lịch sử đã minh chứng sự thất bại thảm hại của Tàu; từ Ngô Quyền (thế kỷ thứ 10) đến Nguyễn Huệ (thế kỷ thứ 18): phong kiến Trung Quốc thuộc tất cả các triều đại Tống (2 lần, 981 – 1076), Nguyên (3 lần, 1258 – 1285 – 1287), Minh (1 lần, 1406), Thanh (1 lần, 1789) đều đã đem quân toan xâm chiếm Việt Nam; tất cả bảy lần, không trừ một lần nào, chúng đều bị dân tộc Việt Nam đánh bại hoàn toàn.

Nói cách khác “thuật nhi bất tác” là bản chất nhân bản, hiếu hòa nông nghiệp bị khúc xạ qua lăng kính bành trướng bá quyền du mục hiếu chiến nhằm phục hoạt thể chế nhà Chu. Cái tài gian xảo của họ Khổng là dùng chiêu bài “thuật nhi bất tác”, che giấu kéo léo bản chất đặc thù du mục để đánh lừa thiên hạ. Họ Khổng đã du nhập yếu tố du mục vào thuật nhi bất tác: Thiên tử, trọng nam khinh nữ, chuyên chế với pháp hình, độc tôn độc hữu, quân quyền, phụ quyền, nam quyền tập trung tài sản nơi nhà vua.

Mặt khác Kinh Thi do Khổng Tử san định lại có một quan niệm bao trùm tất cả dưới vòm trời này đều của vua (dĩ nhiên là vua Tàu). “Khắp nơi dưới vòm trời này có đất nào không phải là của vua. Bất kỳ ai ở bên bờ nào không phải là thần dân của vua”. Bài thơ này rất có thể do Khổng Tử sửa chữa hay ngụy tạo. (Thường Nhược Thủy, Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng, Tủ Sách Việt Thường, năm 2005, Trang 159).

Sự gian xảo của Khổng Tử trong công tác thuật nhi bất tác: loại bỏ cơ cấu làng xã để bóp chết tinh thần dân chủ, thui chột tinh thần dân tộc, làm băng hoại ý chí tự chủ và tinh thần chống ngoại xâm của các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu.

Trong tiến trình phát triển từ cá nhân qua gia đình đến làng xã tự trị (môi trường thể nghiệm sinh hoạt trách nhiệm cộng đồng) dọn đường cho trách nhiệm công dân để phục vụ đất nước với ý thức dân tộc đậm đà (trong tinh thần dân chủ). Khổng Tử đã cố ý loại bỏ “**cấu trúc làng xã**” vì nó không thể có chỗ đứng trong phân dụng của mô hình chuyên chế độc tài du mục. (Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 46). Tần Thủy Hoàng theo đà của Khổng Tử tiếp tục bóp chết qui chế làng xã tự trị bằng hệ thống kiểm soát ngũ hiền gia bảo ở nông thôn. Loại bỏ cơ cấu làng xã là bóp chết tinh thần bản địa của từng nhóm nhân văn trong môi trường sống hiện thực của

nó. Đó là lý do giải thích tại sao các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu bị đồng hóa và không còn ý chí giành độc lập.

Đây là hệ quả của mưu đồ bóp méo cái thể của nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước cho thích ứng với cái dụng theo định hướng du mục độc tôn, độc hữu của tộc Hoa (Thường Nhược Thủy, sđd, Trang 46).

Có thể nói “thuật nhi bất tác” (Tứ Thư Ngũ Kinh) là viên thuốc độc bọc đường, uống vào là ngoan ngoãn tuân phục, cam tâm phục vụ giới thống trị.

Qua ảnh hưởng sâu đậm của Khổng Tử với Tứ Thư Ngũ Kinh, và môn sinh của ông đối với Trung Quốc và “thiên hạ”, chúng ta thấy mô hình Khổng môn đối với Trung Quốc được các nhà Trung Quốc học, trong đó có giáo sư W.J. Jenner coi như gong kim khắc nghiệt của lịch sử. Trung Quốc sẽ không bao giờ dân chủ hóa nổi, vì nó bóp chết ý tưởng công dân, vì tính chuyên chế của nó. (Thường Nhược Thủy, Cuộc Xâm Lăng Khổng Tiếng Súng, năm 2005, Trang 163). Nói một cách ngắn gọn ở Trung Quốc hễ **tự do** là loạn, **thống nhất** là độc tài, toàn trị.

Lịch sử cho thấy từ Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên (Mông Cổ), Minh, Thanh (Mãn Thanh), tất cả các triều đại đều cho dân Tàu uống viên thuốc độc bọc đường – Tứ Thư Ngũ Kinh – để thực hiện chính sách độc tài chuyên chế. Uống viên thuốc độc Tứ Thư Ngũ Kinh vào là ngoan ngoãn phục tùng giới thống trị. Cho nên như đã trình bày, **suốt hơn hai ngàn năm qua các tộc Bách Việt sống ở Trung Quốc không vận động nổi một phong trào giành độc lập nào.**

Trong thời cách mạng văn hóa ở Trung Quốc thập niên 1960, Khổng Tử từng bị lên án là kẻ tay sai bật nhất của nền phong kiến Trung Hoa. Gần đây tư tưởng Khổng Tử được phục hồi và giữ ảnh hưởng quan trọng trong đời sống thường nhật tại Trung Quốc. Trung Cộng đã bắt đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và vào khoảng tháng 8 năm 2005 đã công bố sẽ trùng tu quê hương Khổng Tử tại Khúc Phụ.

Cho nên đi tìm yếu tố cốt lõi của nền văn minh Việt Nam trong Tứ Thư Ngũ Kinh – Nho Giáo – ở tận bên Tàu là con đường không hợp tình hợp lý đối với dân tộc Việt Nam (người viết muốn nói là dân tộc Việt Nam chứ không phải là bộ tộc Lạc Việt; bộ tộc Lạc Việt đã hội nhập vào cộng đồng cư dân ở đồng bằng sông Hồng và sông Mã hình thành dân tộc Văn Lang từ thời vua Hùng dựng nước... rồi Việt Nam).

Đi tìm nguồn gốc văn hóa Việt Nam trong Nho giáo (Tứ Thư Ngũ Kinh) vô cùng nguy hiểm: 1) dân tộc Việt Nam có thể bị đồng hóa trở thành Tàu như các tộc Bách Việt sống ở Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam...). 2) Tàu Cộng sẽ lợi dụng dân tộc Việt Nam làm đoàn quân xung kích trong mặt trận văn hóa biên Đông Nam Á và Đông Bắc Á thành một khu vực văn hóa rộng lớn ngoài lãnh thổ Tàu, chịu ảnh hưởng của Nho giáo (Tứ Thư Ngũ Kinh) và cùng tôn thờ Khổng Tử. 3) mặt khác, tình thương, hài hòa, nhu thuận, hiền hậu, bao dung, khoan hòa, tình nghĩa... **ở trong tâm con người, chứ không ở chữ nghĩa**, Tứ Thư Ngũ Kinh. Chữ nghĩa chỉ mô tả sự thực chứ không phải là sự thực.

Tập đoàn cộng sản Hà Nội đã và đang tiếp tay Trung Cộng, cưỡng ép xây miếu thờ Khổng Tử ở các làng xã, phá nát cơ cấu nền tâm thức dân tộc ở thôn quê; lập học viện Khổng Tử để Tàu hóa tim óc giới trí thức Việt Nam; gởi cán bộ văn hóa sang Trung Quốc tu nghiệp về văn hóa Tàu – Nho giáo, Tứ Thư Ngũ Kinh để thực hiện sách lược đồng hóa người Việt Nam thành người Tàu như dân Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, và Vân Nam...

Xây miếu thờ Khổng Tử, lập học viện Khổng Tử là thiết lập đồn lũy văn hóa thành thế liên hoàn tấn công liên tục toàn diện tinh hoa nền tâm thức dân tộc. Việt Nam là thí điểm trong kế hoạch bóp chết tinh thần bản địa của từng nhóm nhân văn trong môi trường sống hiện thực của nó, trong sách lược dùng đạo Nho của Khổng Tử với tham vọng lãnh đạo tư tưởng thế giới (tham vọng ảo tưởng của kẻ mộng du).

Trung Quốc chi tiền khá nhiều thiết lập trên 40 học viện Nho giáo tại nhiều quốc gia Tây phương và Bắc Mỹ với ý đồ **xâm thực toàn diện văn hóa trên thế giới** (sic) trong những năm tới (mộng chưa thành, Trung Quốc có thể bị nội loạn như đã từng bị trong lịch sử).

Thủ đoạn gian trá của Trung Quốc trong sách lược đồng hóa dân tộc Việt Nam thành người Tàu.

Thừa hưởng mảnh khoe gian trá của Khổng Tử và thủ đoạn dối trá xảo quyệt thuật nhi bất tác, Trung Cộng đang thực hiện một sách lược vô cùng thâm độc bao gồm cả diện (hư) lẫn điểm (thực) tạo hỏa mù trong mưu đồ đồng hóa dân tộc Việt Nam trở thành người Tàu. Họ đang dùng “chiêu bài chủng tộc Bách Việt” để đánh lừa giới khoa bảng trí thức và những người học đòi theo khoa bảng. Cán bộ văn hóa Trung Cộng và Việt Cộng đang thực hiện kế hoạch bàn tay sắt bọc nhưng cưỡng bách tinh thần người Việt Nam trong sách lược tìm tinh anh văn hóa Việt Nam trong Tứ Thư Ngũ Kinh.

Khổng Tử chỉ san định, chỉ thuật lại đạo xưa của các tộc Bách Việt. Đạo Nho là của Bách Việt chứ không phải của Tàu. Người Việt Nam phải xây miếu thờ Khổng Tử vì ông đã san định, đã công thức hóa những tinh hoa văn hóa của các tộc Bách Việt thành Tứ Thư Ngũ Kinh, lưu truyền cho đến ngày nay và muôn đời. Đạo Nho (Tứ Thư Ngũ Kinh) là một gia tài tinh thần quý báu vô cùng của tộc Bách Việt, tổ tiên của người Việt Nam.

Đảng cộng sản Trung Quốc đã nhận thấy được giá trị siêu việt(!) của Nho giáo qua Tứ Thư Ngũ Kinh gói ghém tinh hoa văn hóa Bách Việt. Cho nên Đảng và nhà nước Trung Quốc đã bắt đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và đã trùng tu quê hương Khổng Tử tại Khúc Phụ.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng ý thức được rằng 70% dân Trung Quốc hiện nay thuộc gốc các tộc Bách Việt; Tàu là dân du mục từ Tây Bắc đến và lai giống với dân bản thổ. Như vậy Tàu cũng thuộc Tứ Di. Vậy dân tộc Việt Nam và nhân dân Trung Quốc trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh tức trở về văn hóa Bách Việt, một nền văn hóa siêu việt của khối Tứ Di mà Bách Việt là đại diện.

Nhân dân Trung Quốc và dân tộc Việt Nam cần phải phục hoạt Nho Giáo. Người Việt Nam cắt đứt với Nho giáo là cắt đứt với tư tưởng của tổ tiên. Muốn hiểu tổ tiên, người Việt Nam

phải học Tứ Thư Ngũ Kinh (Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu). Bộ giáo dục của Trung Quốc đã và đang đưa Tứ Thư Ngũ Kinh vào học đường từ tiểu học cho đến đại học. Như vậy, nhân dân Trung Quốc và dân tộc Việt Nam trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh là hợp tình hợp lý. Tất cả đều là anh em, tứ hai giai huynh đệ, đồng thời xây dựng Đông Bắc Á và Đông Nam Á thành khu vực chịu ảnh hưởng của Đạo Nho do Bạch Việt sáng tạo và cùng tôn thờ Khổng Tử.

Hai đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam cùng trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh, mang tinh hoa của văn hóa Bách Việt soi sáng khắp thế giới. Nhân loại sẽ có ánh sáng mới. Ánh sáng văn hóa Bách Việt với Đạo Nho qua Tứ Thư Ngũ Kinh (Nho học). Như vậy, chúng ta sẽ lãnh đạo tư tưởng thế giới mà Khổng Tử là nhạc trưởng điều hợp ban hòa tấu triết học cả Đông lẫn Tây.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc đang nỗ lực giúp dân tộc Việt Nam trở về với 70% dân Trung Quốc thuộc gốc Bách Việt sống trên đất Tàu (sic) cùng nhau tìm tòi học hỏi Tứ Thư Ngũ Kinh trở về tận cội nguồn văn hóa tổ tiên, nhận lại tư tưởng tinh anh của tổ tiên (sic). Dân tộc Việt Nam trở về với đại khối Bách Việt ở trên đất Tàu. Lãnh thổ Việt Nam **được** trở thành quận huyện của Tàu. Như vậy đất nước của đại tộc Bách Việt được mở rộng đến mũi Cà Mau (sic).

Thủ đoạn gian trá này không đánh lừa được 95% người Việt Nam, không đọc được Tứ Thư Ngũ Kinh, không biết ông Khổng Tử là ai, nhất là những người sống ở thôn quê. Họ sống thực; thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ (là **sống đạo**). Cho nên họ không cần những định nghĩa, những khái niệm trong Tứ Thư Ngũ Kinh. Họ sống tương nhượng **hài hòa** (*hòa cả làng*), **bao dung** (*chín bỏ làm mười*), sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình, chan hòa tình người, thích nghi, hội nhập vào dòng sống dân tộc đang trôi chảy.

Họ sống thoải mái tự nhiên, tận hưởng những gì đang có trong tầm tay, không bị điều kiện hóa bởi Tứ Thư Ngũ Kinh hay ý thức hệ nào, thích ứng thích nghi với môi trường sống, không bị đông cứng trong một khuôn mẫu. Giúp đỡ ai là phát xuất từ lòng trắc ẩn, “*thấy người hoạn nạn nở quên sao đành, thương người bớt miếng mà cho*”, chứ không phải do ông Khổng Tử hay một người đức đạo nào chỉ dạy.

Mặt khác làng xã Việt Nam là một thành lũy kiên cố bảo vệ văn hóa dân tộc Việt Nam, nơi đãi lọc và Việt hóa văn hóa ngoại nhập để thích hợp với tâm tư tình cảm của người Việt. Nếp sống nhân bản dân tộc, hiện thực, và tâm linh, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc. Cơ cấu làng xã (*xã thôn tự trị*) thể hiện tinh thần dân chủ (*phép vua thua lệ làng*) dung hợp được tư do và bình đẳng (*công bằng là đạo người ta ở đời*) đã ngăn chặn được chánh sách đồng hóa vô cùng thâm độc của giới thống trị phương Bắc hơn một ngàn năm Bắc thuộc.

Lịch sử cho chúng ta thấy từ ngàn xưa cho đến ngày nay chỉ có dân tộc Việt Nam đồng hóa người Tàu, chứ Tàu chưa bao giờ đồng hóa được dân tộc Việt Nam. Tàu chỉ đồng hóa được nhóm Bách Việt sống trên đất Tàu. Nhóm Mã Lưu (người Tàu do Mã Viện đưa sang Việt Nam) dần dần đã hội nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam. Gần đây các vua Trần, Hồ Quý Ly, Chu Văn An, Trịnh Hoài Đức, Phan Thanh Giản đều là người Việt gốc Tàu.

Bắc Kinh biết rõ điều này hơn ai hết. Cho nên sách lược đồng hóa lần này tinh vi hơn, gian trá hơn, thâm độc hơn sách lược của Quản Trọng, Khổng Tử, Chu Nguyên Chương nhà Minh, vì Trung Quốc quyết tâm trở thành “cường quốc biển” như Hoa Kỳ. Muốn làm chủ biển Đông và Thái Bình Dương thì phải biến Việt Nam thành Quảng Đông, Quảng Tây.

Mặt khác, bằng mọi cách Trung Quốc phải thắng trong các cuộc đấu thầu trong ý đồ đưa dân Tàu vào Việt Nam chiếm chỗ lao động khắp nơi từ bắc chí nam. Rồi cưới vợ Việt, sinh con cái, lập làng Tàu trong lòng dân tộc Việt Nam. Đó là hiện tượng đã và đang xảy ra trong sách lược đưa dân tộc Việt Nam hội nhập vào khối Bách Việt sống trên đất Tàu và trở về Tứ Thư Ngũ Kinh, cốt lõi văn hóa Bách Việt (sic), cùng tôn thờ Khổng Tử.

Thế nên Bắc Kinh đã và đang mở một mặt trận toàn diện thành thế liên hoàn bao gồm mọi mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, quân sự, tôn giáo, nhưng văn hóa là then chốt, văn hóa là linh hồn của dân tộc. Mặt trận văn hóa sụp đổ đất nước sẽ bị xóa tên trên bản đồ thế giới.

Rút kinh nghiệm lịch sử, Bắc Kinh chủ trương trước hết Tàu hóa tim óc của giới lãnh đạo Đảng, chính phủ, quốc hội cho đến địa phương, tỉnh ủy, huyện ủy, đồng thời tìm cách phá nát cơ cấu làng xã để thui chột tinh thần dân tộc, làm băng hoại tâm thức người dân ở thôn quê. Trung Cộng sẽ giúp Việt Nam đào tạo một ngàn (1000) tiến sĩ từ nay đến năm 2020. Đó là những tướng lãnh sống trong lòng dân tộc Việt Nam chỉ huy đoàn quân xâm thực văn hóa của Trung Cộng. Dân tộc Việt Nam đang đứng trước hai kẻ thù: nội xâm và ngoại xâm.

Họ lợi dụng triệt để một số khoa bảng và học đòi theo khoa bảng, với tinh thần nô lệ, câu nệ vào chữ nghĩa, kinh sách chủ trương “muốn tìm về văn hóa Việt, nếu bỏ Nho thì chỉ tìm lấy ngọn chừ chưa đến gốc của văn hóa vì Nho giáo chứa đựng những hằng số của văn minh nước ta”. Bắc Kinh sẽ biến nhóm người này trở thành “đạo quân xung kích” để thuyết phục người Việt Nam tìm tòi học hỏi Tứ Thư Ngũ Kinh, nhận lại tinh anh của tư tưởng tổ tiên, trở về với 70% dân Tàu thuộc gốc Bách Việt đang sống trên đất Trung Quốc, tôn thờ Khổng Tử như một ông thánh bất khả xâm phạm.

Tuy thủ đoạn tinh vi và thâm độc, nhưng đây là tham vọng ảo tưởng của kẻ mộng du. Với đầu óc tự tôn tự đại Bắc Kinh đánh giá sai lầm về dân tộc Việt Nam. Họ không thấy được sự khác biệt giữa chủng tộc Bách Việt và dân tộc Việt Nam. Họ lẫn lộn giữa dân tộc Việt Nam với các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu. Các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu vì cái bả “Tứ Thư Ngũ Kinh” (viên thuốc độc bọc đường) nên tinh thần dân tộc bị thui chột, ý chí tự chủ bị tê liệt, tinh thần chống ngoại xâm bị băng hoại, hồn nước cũng mất, nên họ không tạo được một cuộc nổi dậy nào để đòi quyền tự quyết suốt hơn hai ngàn năm qua. Các hiền triết Bách Việt trong danh sách “Bách Việt Tiên Hiền Chí” được nuôi dưỡng, trưởng thành trong môi trường Khổng giáo, đương nhiên họ thi thố tài năng với sở trường học được trong Tứ Thư Ngũ Kinh. Cho nên họ tự nguyện cam tâm, tận tụy phục vụ các triều đại Trung Quốc.

Trái lại, dân tộc Việt Nam tìm mọi cách dung hóa hội nhập, Việt hóa mọi sở đắc của các hiện tượng ngoại nhập của Hoa, của Ấn, của Nam đảo, của Âu-Tây, của Bắc Mỹ... “cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật” (Trần Quốc Vượng). Nhưng không chấp nhận sự đồng hóa cưỡng bức và không cúi đầu làm nô lệ, được thể hiện qua tinh thần “thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc” (Trần Bình Trọng). Tinh thần chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam

được tôi luyện trở thành truyền thống bất khuất chống ngoại xâm. Tinh thần dân tộc được kết tinh trong tâm thức của dân tộc từ ngàn xưa. Người dân Việt thường được nhắc nhở: xem các hiện tượng ngoại nhập (Nho – Lão – Phật...) như rế, dép, giày.

*Có rế thì đỡ nóng tay,
Có dép, có giày thì đỡ nóng chân.*

Hoặc,

*Ăn sung ngồi gốc cây sung,
Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm.*

Và xem người tôn sùng hiện tượng ngoại nhập như con rùa rút đầu:

*Thương thay thân phận con Rùa
Lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia.*

Hơn nữa dân tộc Việt Nam được hun đúc rèn luyện trong hoàn cảnh của môi trường khắc nghiệt của thiên nhiên. Cho nên người Việt thừa can đảm và nghị lực để vượt qua cái thối của thế gian thường tình. Thiên nhiên còn không sợ (trông cho chân cứng đá mềm) tìm cách thích ứng, thích nghi vượt qua thì không có đế quốc nào có thể đánh gục được dân tộc Việt Nam, sá chi Trung Cộng.

Có lẽ Bắc Kinh quên sự thất bại thảm hại khi bành trướng xuống phương Nam từ Ngô Quyền (thế kỷ thứ 10) đến Nguyễn Huệ (thế kỷ thứ 18), Trung Quốc thuộc tất cả các triều đại Tống hai lần (981 – 1070), Nguyên ba lần (1258, 1285, 1287), Minh một lần (1406), Thanh một lần (1789) đều đem quân toan xâm chiếm Việt Nam; tất cả bảy lần, không trừ một lần nào, Trung Quốc đều bị dân tộc Việt Nam đánh bại hoàn toàn.

Năm 1979, Đặng Tiểu Bình đòi dạy cho Việt Nam một bài học, nhưng đoàn quân xâm lăng cũng ôm đầu máu trở về Tàu. Bắc Kinh quên rằng dân tộc Việt Nam (chứ không phải các tộc Bách Việt sống trên đất Tàu) đã được tôi luyện trong tinh thần: còn nước còn tát.

*Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo
Còn da lông mọc còn chồi lên cây.*

Do tinh thần bất khuất này đã đưa dân tộc Việt Nam đến chỗ cùng sinh cùng tử, thề cùng non sông cùng mất còn:

*Có nên thì nên lớp này
Không nên thì chết cả mày lẫn tao.*

Hay là:

Chết một đống, còn hơn sống một người.

Có lẽ những lời này dễ đi vào lòng người Việt Nam hơn là những lời chỉ dạy trong Tứ Thư Ngũ Kinh.

Mặt khác, với đầu óc độc tôn độc hữu, xác xược của một cường quốc, Bắc Kinh tiên đoán sai lầm về kết quả của sách lược đồng hóa dân tộc Việt Nam. Không phải tất cả các nhà lãnh đạo Đảng Cộng Sản và trí thức Việt Nam chấp nhận làm nô lệ cho Trung Quốc. **Với trào lưu khai dân trí trên mạn lưới tin học, giới trẻ Việt Nam không chấp nhận cái xác chết Nho giáo của cư dân sống ở châu thổ sông Hoàng Hà và sông Dương Tử thời xa xưa cách ngày nay khoảng 3000 năm.** Họ cũng không chấp nhận cảnh “gà què ăn quần cối xay”, cái cối Tứ Thư Ngũ Kinh. Mỗi dân tộc có môi trường sống riêng; môi trường sống của dân tộc Việt Nam là đồng bằng sông Mã và sông Hồng, chứ không phải là môi trường sống ở đồng bằng sông Dương Tử và sông Hoàng Hà của nhóm Bách Việt ở tận bên Tàu. Điều họ quan tâm là “chất xám”, “sáng tạo”, và “tùy” (tùy thời, tùy việc, tùy chỗ, tùy người...) để đi tới chứ không đi tìm cái hào quang quá khứ của Bách Việt sống trên đất Tàu để tiếp tục nghèo đói lạc hậu (xem chi tiết Dân Tộc Việt Nam và Chúng Tộc Bách Việt).

Hơn nữa, Đại Hàn, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, Tân Tây Lan, Úc, Ấn Độ, Âu Châu, Hoa Kỳ... có chịu ngồi im để Trung Quốc làm chủ biển Đông và Thái Bình Dương không?

Mặt khác, chưa Tàu hóa được trí thức và người dân Việt Nam thì Trung Quốc có thể bị nội loạn như đã từng bị trong lịch sử. Lúc đó, mộng trở thành “cường quốc biển” tan theo mây khói. Bắc Kinh sẽ phải “quay đầu vào núi” như ngày xưa để giải quyết nội bộ. Bắc Kinh không rời sau gáy của mình: hề **tự do** là loạn, **thống nhất** thì độc tài tàn bạo.

Bắc Kinh cũng quên dân tộc Việt Nam là dân nông nghiệp trồng lúa nước. Họ “*trông cơ trời đất, liêu thời làm ăn*”. Cho nên, họ có đủ kiên nhẫn chờ đợi, mua thời gian, ngu si hưởng thái bình, chờ, ngày xưa chờ cả ngàn năm, chờ cho đến hội đủ thiên thời, địa lợi, và nhân hòa mà vùng dậy.

Người Việt Nam thường được nhắc nhở qua biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng trong cái tốt có cái xấu, trong cái xấu có cái tốt; cho nên, chính mặt trận văn hóa giữa Tàu và Ta đang tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam củng cố và phát huy nội lực (tinh thần dân tộc), đồng thời đẩy mạnh trào lưu khai dân trí và khai tâm, **tạo một nội lực tổng hợp** trong thể liên hoàn, với óc sáng tạo để hóa giải sức ép của mọi thể lực quốc tế (chính trị, kinh tế, ý thức hệ, ngoại giao, tôn giáo v...v...) trong xu thế toàn cầu hóa.

Tại sao chúng ta không trở về dòng sống sinh động đang trôi chảy trong xóm làng, với tiếng nói tâm thức của dân tộc qua ca dao, tục ngữ, truyện cổ, và huyền thoại để từ đó bước vào ngôi nhà tâm linh đến tận cội nguồn của văn hóa dân tộc Việt Nam – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) – mà lại đi vay mượn những yếu tố đặc thù của văn hóa Bách Việt trên đất Tàu trong Tứ Thư Ngũ Kinh đã bị Khổng Tử uốn nắn qua lăng kính du mục để người dân ngoan ngoãn phục vụ giới thống trị.

Như chúng ta đã biết suốt chiều dài lịch sử hơn hai ngàn năm, Nho giáo của Khổng Tử qua Tứ Thư Ngũ Kinh lúc nào cũng bị giới thống trị (Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, Dân Quốc, Cộng Sản) lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thông trị nghĩa là Tứ Thư Ngũ Kinh như cây gậy thần uốn nắn con người **phát huy lòng trung thành bẩm sinh** để ngoan ngoãn tuân phục giới thống trị. Nó là phương tiện hữu hiệu của giới thống trị duy trì chế độ độc tài bạo tàn và chuyên chế.

Trở về với cái xác chết Nho giáo nghĩa là trở về với chữ nghĩa, khái niệm, định nghĩa, mà ai cũng biết chữ nghĩa, định nghĩa, khái niệm chỉ mô tả sự thực chứ không phải sự thực. Hơn nữa, trở về với cái bả Tứ Thư Ngũ Kinh (viên thuốc độc bọc đường) dễ bị Tàu lợi dụng thực hiện chính sách đồng hóa dân tộc Việt Nam.

Mặt Thật Của Khổng Tử

Theo ông Vương Sóc, nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc, được sắp thứ ba sau Kim Dung và Lỗ Tấn đã nhận định Khổng Tử là người nói một đằng làm một nẻo: Ông ta (Khổng Tử) đi chu du một loạt nước chẳng qua là để chạy vạy, kiếm một chút chức tước. Ông ta nói nhân nghĩa, nhưng đã làm được quan rồi thì vẫn độc ác, tàn nhẫn như thường, làm được mấy ngày Đại Tư Khẩu thì giết Thiếu Chính Mão (Vương Sóc, Người Đẹp Tặng Ta Thuốc Bùa Mê, N.X.B. Văn Hóa Dân Tộc, 2002, Trang 320).

Vương Sóc: Phải đấy, ông ấy học ở đâu nhỉ? Ông ấy có thầy giáo không nhỉ? Khổng Tử ấy mà. Ông ấy bảo ba người cùng đi tất có người làm thầy của tôi. Nhưng ông ấy cùng đi với bao nhiêu là người, mà tôi có thấy ông ấy vái ai làm thầy đâu? (Vương Sóc, sđd, Trang 291).

Mặt khác, nghe nói Khổng Tử đã từng sửa chữa “Kinh Thi”. Qua sửa chữa của ông ấy, chỉ còn lại 300 bài hiện nay ta vẫn đọc, còn những tám phần mười đều bị các lý lẽ của ông ấy bác đi hết, không có Khổng Tử **biết đâu bây giờ chung ta còn được đọc thêm mấy bài thơ của Tiên Tần**. Mỗi triều đại ở Trung Quốc, đều viết sách, đều phải sửa chữa nhiều, nhất là “Tứ khố toàn thư” đòi nhà Thanh biên soạn, di sản bị tiêu diệt là bao nhiêu, con người bây giờ cũng khó làm rõ lắm, dù sao thì số lượng cũng không phải ít. Nghe nói Khổng Tử còn soạn cả “Xuân Thu”, sử biên niên của nước Lỗ. Ngoài ra Khổng Tử sửa chữa điển tịch của người trước, so với việc đốt sách của Tần Thủy Hoàng cũng không khác gì đâu. Những sách bị sửa chữa không bao giờ tìm thấy nữa, chẳng phải cũng giống như đem đốt đi hay sao? (Vương Sóc, sđd, Trang 292).

Miệng thì nói “thuật nhi bất tác”, nhưng óc thì mơ thấy Chu Công, tay ghi thêm yếu tố du mục để phục hoạt và củng cố thể chế nhà Chu. Một thể chế mang tính phong kiến độc tài chuyên chế do Chu Công thiết lập trong ý đồ thâm kín Hung Hoa Diệt Di, với đầu óc kỳ thị của họ Khổng như đã trình bày ở phần trên. Họ Khổng lại gian trá xảo quyệt loại bỏ cơ cấu làng xã với ý đồ “bóp méo cái thể của nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước cho thích ứng với cái dụng theo định hướng du mục độc tôn độc hữu của dân tộc Hoa” (Thường Nhượng Thủy, sđd, Trang 24).

Điểm đáng lưu ý là mô hình do Khổng Tử và môn sinh kiến lập có một hấp lực rất lớn đối với các chế độ toàn trị vì hình thức giả hình “ngoại Nho (hay ngoại Vương), nội Pháp”. Từ một tên lưu manh đái vào mũ nhà Nho, Lưu Bang chấp nhận thành một kẻ tôn thờ Khổng Tử dù chỉ là bề ngoài. Nhà Thanh, một kẻ ngoại xâm đã được tập đoàn nho sĩ chấp nhận phục vụ, coi như là một triều đại chính thống, chỉ vì Thuận Trị theo lời khuyên của Hán (nho) gian làm một cuộc tế Khổng Tử trước Quốc Tử Giám. Tin tức lan truyền nhanh chóng trong thiên hạ, rất nhiều người Hán rơi lệ, các nho sinh, địa chủ các vùng nghe tin cảm động vô cùng, cảm thấy vị Hoàng Đế Đại Thanh không còn là một nhân vật dị tộc nữa, mà thực là “đệ tử Thánh môn, là chân mệnh thiên tử giáng phàm”, nên ý tưởng phản Thanh lúc đầu giờ đây cũng tan biến cả. Gần đây thủ đoạn chính trị tương tự và thủ pháp thống trị cũng đang được Trung Cộng áp dụng. Trung Cộng

đã bắt đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và vào khoảng tháng 8 năm 2005 đã công bố sẽ trùng tu quê hương Khổng Tử tại Khúc Phụ thành một điểm du lịch. Giang Trạch Dân đề cập đến chính sách “Đại Đồng”. Hồ Cẩm Đào đề cập tới thời Tiểu Khang trong thiên Lễ Vận của sách Lễ Ký để áp dụng việc chấp nhận cho giới tư sản được gia nhập đảng và các đảng viên được tham dự vào các sinh hoạt kinh tế.

Nhìn chung Khổng Tử vẫn còn giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị. “Như vậy thì Khổng Tử, nên coi là vạn thế sư biểu hay là thiên cổ tội nhân đối với Trung Quốc nói riêng và nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ nói chung của Việt Nam và Đông Nam Á” (Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng, Mặt Trận Văn Hóa Giữa Ta và Tàu Suốt Hơn Hai Ngàn Năm Qua Vẫn Còn Đang Tiếp Diễn Vô Cùng Khốc Liệt, Trang 163 – trên website www.tusachvietthuong.org).

Thay Lời Kết

Trái đất hình như nhỏ lại, thời gian và không gian thu bớt khoảng cách, chỉ cần mở máy điện toán, con người trên thế giới xa cách hàng vạn dặm có thể tiếp xúc trực tiếp với nhau như ngồi đối diện. Con người và các dân tộc xích lại gần nhau, hội nhập hài hòa đang muốn xây dựng căn nhà chung cho thế giới tương lai; nhưng bản sắc của các dân tộc không thể hòa tan thành một khối trong xu thế toàn cầu hóa.

Sống hài hòa trong tính người và tình người trong căn nhà chung (trái đất), cùng tưới tắm bởi một suối nguồn yêu thương vô tận của trời đất, và cùng một nguồn sống (thiên nhiên), nhưng mỗi dân tộc muốn tồn tại, không bị xóa tên trên bản đồ thế giới thì phải duy trì và phát huy bản sắc dân tộc; đó là ý thức dân tộc “nội lực dân tộc – bao hàm ý thức bảo tồn, truyền thừa và phát triển các giá trị vĩnh hằng do dân tộc Việt Nam (chứ không phải chủng tộc Bách Việt) sáng tạo và tích lũy qua quá trình lịch sử – nhằm duy trì dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc và phát huy ngày thêm tốt đẹp” (Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ Sách Việt Thường, Năm 2000, Trang 7).

Đó là điều kiện “cần” và “đủ” (mở mang dân trí với khai tâm) để tồn tại trong xu thế toàn cầu hóa, chứ không phải trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh hay khối dân Trung Quốc, thuộc chủng tộc Bách Việt đang sống trên đất Tàu. Như vậy chỉ những người Việt Nam giỏi chữ Hán, chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Quốc nhiều đời và những người học đòi theo họ tự nguyện trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh.

Nếu họ và hai Đảng Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam thành công trong sách lược đồng hóa dân tộc Việt Nam trở thành người Tàu như dân Quảng Đông, Quảng Tây, Triết Giang, Phúc Kiến, v.v.... **Nước Việt Nam sẽ thành quận huyện của Trung Quốc.**

Dân tộc Việt Nam muốn tồn tại và Việt Nam không bị xóa tên trên bản đồ thế giới thì **phải thành công trong cuộc chiến chống xâm thực văn hóa của Trung Quốc được sự tiếp tay của những người Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hóa và chính trị của Trung Quốc** và những người Việt Nam bị điều kiện hóa bởi “chủng tộc Bách Việt” (xem dân tộc Việt Nam và chủng tộc Bách Việt trên website www.tusachvietthuong.org).

Điều cần phải làm là hội nhập vào dòng sống dân tộc đang trôi chảy của cuộc sống theo đà tiến hóa để hoàn thiện và thăng hoa cuộc sống và con người.

Mặt khác, như đã trình bày trong nhiều bài viết của Tủ Sách Việt Thường, tình thương, trí tuệ, hài hòa, vị tha, bao dung, nhẫn nhục, tương nhượng, v.v... ở **trong lòng người** (trong tâm), chứ không phải ở trong sách vở hay kinh điển. Cho nên, việc khẩn thiết là **mọi người tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức**, “một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người” (Krishnamurti), tái thiết con người trên **tình thương** để đặt con người (nam và nữ) trở lại đúng **cơ năng và bản vị** đích thực của con người.

Đó là khởi điểm trở về tận cội nguồn văn hóa của dân tộc Việt Nam, Thiên Nhiên (Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất), nơi chứa đựng những yếu tố nhân bản cốt lõi của văn hóa Việt Nam nói riêng và của các dân tộc trên thế giới nói chung.

Thiên Nhiên (Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất) bao hàm con người và cuộc sống mà khởi điểm là trở về với chính mình thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức là **mẫu số chung của các dân tộc** để chung sống trong xu thế toàn cầu hóa, trong nền văn minh nhân bản chan hòa tính người và tình người.

Cần biết thêm chi tiết xin lên trên website đọc những bài viết sau đây:

- 1) Trăm Hay Xoay Vào Lòng
- 2) Cội Nguồn Của Văn Hóa Việt Nam: *Thiên Nhiên (Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất)*
- 3) Tình Thương Trong Nền Văn Hóa Việt
- 4) Khổng Tử và Các Nho Gia Khổng Môn Đã Hình Thành Dân Tộc và Đất Nước Trung Quốc Như Thế Nào?
- 5) Dùng Kính Hiển Vi Soi Rọi Tìm Nguồn Gốc Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Tứ Thư Ngũ Kinh
- 6) Quốc Gia Nạn và Dân Tộc Nạn

(Còn tiếp theo)

Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org